

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam -
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa
Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Duyên Hiếu

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300

Loại thông tin công bố:

Bất thường Định kỳ

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông
tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
(PVTrans) xin gửi đến Quý cơ quan “Báo cáo thường niên năm 2022” và đăng tải trên
website của PV Trans tại địa chỉ: <https://pvtrans.com> để quý cổ đông được biết.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT, BKS TCT (để báo cáo);
- Lưu VT, KHĐT.

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2023



Nguyễn Duyên Hiếu



20 NĂM
VƯỢT SÓNG VƯƠN XA

Khát vọng - Trí tuệ
Chuyên nghiệp - Nghĩa tình

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tổng công ty tin tưởng PVTrans sẽ tiếp tục vững vàng tay lái, vượt qua thách thức để chinh phục các mục tiêu đề ra và đạt được những thành tựu mới trên những chuyến hải trình vượt sóng của con tàu PVTrans.

”



Kính gửi: Quý cổ đông

Năm 2022 đi qua với những dư âm từ tác động của xung đột chính trị Nga-Ukraine, chính sách zero covid của Trung Quốc và xu hướng thắt chặt tiền tệ ứng phó với lạm phát tăng cao. Những cơn gió nghịch trở dậy mạnh mẽ làm thay đổi căn bản nhiều khía cạnh trong nền kinh tế, chính trị - xã hội nói chung cũng như tác động trực diện tới hoạt động của doanh nghiệp nói riêng. Điều này đã làm bộc lộ những tồn tại, hạn chế của nhiều doanh nghiệp nhưng đồng thời cũng là cú hích thúc đẩy sự tái cơ cấu mô hình hoạt động, nâng cao sức chống chịu để thích nghi và phát triển trong giai đoạn kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, bất ổn.

Trải qua 20 năm hình thành và phát triển trên hành trình **“Vượt sóng vươn xa”**, vượt lên những thách thức của thị trường, PVTrans duy trì sự tăng trưởng liên tục trong suốt một thập kỷ vừa qua, ngày càng khẳng định vị thế thương hiệu hàng đầu trong nước đồng thời tiếp tục mở rộng danh tiếng trên thị trường quốc tế. Năm 2022, trước những cơ hội và khó khăn mà ngành vận tải biển nói chung và PVTrans nói riêng phải đối mặt, PVTrans đã gặt hái kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc, phá vỡ những kỷ lục lập ra trước đó với doanh thu hợp nhất đạt **9.577 tỷ đồng**, vượt **47%** kế hoạch; LNTT hợp nhất đạt **1.457 tỷ đồng**, vượt

143% kế hoạch; nộp NSNN hợp nhất đạt **521 tỷ đồng**, vượt **113%** kế hoạch.

Thành tựu gặt hái được trong năm 2022 là minh chứng rõ nét cho sự kết tinh của trí tuệ, bản lĩnh và tinh thần quyết tâm trên dưới một lòng của Ban lãnh đạo, tập thể CBCNV, thuyền viên PVTrans. Công tác quản trị ghi nhận bước chuyển biến tích cực nhờ vai trò lãnh đạo hiệu quả của HĐQT trong việc xây dựng chiến lược, giám sát hiệu quả công tác điều hành đồng thời tăng cường quản trị rủi ro đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra. Trong năm 2022, PVTrans tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và thực tiễn triển khai công tác quản lý vốn theo mô hình Holdings, vừa đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra giám sát các ĐVTV nhằm gỡ nút thắt trong công tác quản trị và khơi thông nguồn lực phát triển. Việc bổ nhiệm, kiện toàn nhân sự HĐQT giúp cân đối cơ cấu thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập góp phần làm tăng tính hiệu quả, độc lập của HĐQT, hướng tới tiệm cận các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về quản trị công ty. Ngoài ra, văn hóa PVTrans xuất phát từ tâm huyết và tầm nhìn của người đứng đầu với các giá trị cốt lõi **“Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình”** tiếp tục được củng cố

và phát huy vai trò là kim chỉ nam dẫn lối PVTrans cập bến an toàn trong một năm đầy biến động.

Nhờ có định hướng chiến lược rõ ràng và giám sát chặt chẽ, hiệu quả hoạt động kinh doanh không ngừng cải thiện thông qua sự nâng cấp chất lượng hệ thống quản lý khai thác, kỹ thuật và thuyền viên theo các tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng các điều kiện khắt khe của các kho cảng và chủ tàu lớn. Đến nay, đội tàu PVTrans không chỉ hoạt động ở các tuyến truyền thống mà đã vươn tầm quốc tế, hoạt động rộng khắp thế giới, tập trung hướng đến các thị trường cao cấp như châu Âu, Bắc Mỹ,... Đặc biệt, trong bối cảnh nguồn cung tàu hạn chế và hạn mức tín dụng thắt chặt, PVTrans đã thực hiện thành công giải pháp đột phá về đầu tư, tiếp nhận thêm 3 tàu thông qua hình thức thuê mua bareboat bên cạnh đầu tư trực tiếp 4 tàu, duy trì thực hiện chiến lược trẻ hóa đội tàu, không ngừng nâng cao năng lực vận tải, năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Vượt ra ngoài mục tiêu tăng trưởng về lợi nhuận và tối đa hóa các giá trị đem lại cho cổ đông, PVTrans còn nỗ lực cân bằng các yếu tố xã hội - môi trường thông qua các giải pháp thiết thực nhằm giảm phát thải, giảm thiểu tác động đến môi trường cũng như hàng loạt chương trình mang giá trị nhân văn sâu sắc, tạo sức lan tỏa sâu rộng hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội, góp phần chung tay vì một tương lai bền vững.

Bước sang năm 2023, đây là năm bản lề và có ý nghĩa quan trọng trong kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025. Dù kinh tế toàn cầu đã cho thấy nhiều tín



hiệu phục hồi trong những tháng đầu năm, nhưng các cuộc xung đột chính trị vẫn chưa có hồi kết cùng vấn đề lạm phát, nợ công và bất ổn thị trường tài chính vẫn là những mối lo đáng kể trong năm 2023. Với một nền tảng văn hoá doanh nghiệp vững chắc, tài chính lành mạnh, cùng mức tăng trưởng cao nhất trong một thập kỷ qua, chắc chắn sẽ là bệ phóng để PVTrans tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 và vững bước trên con đường chinh phục những tầm cao mới trong tương lai xa hơn nữa. Để hiện thực hóa niềm tin và khát vọng đó, PVTrans xác định đầu tư là giải pháp trọng tâm trong năm 2023 đồng thời tập trung quản trị rủi ro, sẵn sàng ứng phó với các biến động, phát huy tối đa tiến bộ trong công tác chuyển đổi số và đổi mới liên tục trong mọi hoạt động SXKD, tạo sự bứt phá mạnh mẽ cho những bước tiến xa hơn.

PVTrans cam kết luôn đồng hành cùng Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác vì niềm tin xây dựng một cộng đồng phát triển bền vững. PVTrans luôn trân trọng và biết ơn sự tin tưởng của Quý vị đã sát cánh cùng PVTrans trong suốt thời gian qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

PHẠM VIỆT ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

ĐIỂM NHẤN NĂM 2022

Giá trị văn hóa PVTrans ra đời từ tâm huyết và tầm nhìn của người đứng đầu, hun đúc qua bao thăng trầm thời gian, lan tỏa, gìn giữ vẹn nguyên cho đến ngày nay và thể hiện rõ nét khi PVTrans bước vào ngưỡng cửa tuổi 20.

Coi trọng người tài, đề cao yếu tố năng lực, bản lĩnh, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong công việc. Ưu tiên tuyển dụng và ương mướn cán bộ trẻ thế hệ 9X, hiện đang chiếm tỷ lệ trên 20% tổng số CBCNV.

Thành lập Trung tâm thuyền viên nhằm hỗ trợ công tác đào tạo, kết nối và đáp ứng nhu cầu thuyền viên cho toàn Tổng công ty.

Luôn đề cao tầm quan trọng của trách nhiệm doanh nghiệp đối với người lao động và cộng đồng. Duy trì việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho toàn thể CBCNV và thuyền viên với số lao động bình quân năm 2022 đạt 2.181 người, thu nhập bình quân người lao động đạt 25 triệu đồng/người/tháng, tăng 12% so với năm 2021. Tổ chức các hoạt động ASXH đầy ý nghĩa như tài trợ xây dựng, cải tạo trường tiểu học, bệnh viện, ủng hộ các quỹ học bổng, thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa,... với tổng số tiền lên đến gần **15 tỷ đồng**.

TRÍ TUỆ

NGHĨA TÌNH

Luôn đặt ra mục tiêu vượt qua chính mình

Kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc, phá vỡ những kỷ lục đã được lập ra trước đó với doanh thu hợp nhất đạt 9.577 tỷ đồng, vượt 47% kế hoạch, LNTT hợp nhất đạt 1.457 tỷ đồng, vượt 143% kế hoạch. Đáng chú ý, năm 2022 ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, doanh thu và LNTT lần lượt 24% và 40%, nối tiếp chuỗi 10 năm tăng trưởng lợi nhuận liên tục.

Không ngừng mở rộng đội tàu, nâng cao năng lực vận tải

Triển khai thành công giải pháp đột phá đầu tư thông qua hình thức thuê mua bareboat 3 tàu bên cạnh đầu tư trực tiếp 4 tàu khí nguồn cung tàu hạn chế, hạn mức tín dụng bị siết chặt.

Không ngừng vươn xa trên tầm khu vực và quốc tế

Mở rộng khai thác quốc tế với trên 85% số lượng tàu đang hoạt động trên tuyến worldwide, tập trung hướng đến các thị trường cao cấp như châu Âu, Bắc Mỹ,... qua đó nâng cao hiệu quả khai thác và nâng tầm thương hiệu.

KHÁT VỌNG

Tăng cường phân quyền mạnh mẽ cho các ĐVTV đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát, hậu kiểm đã khơi thông nút thắt trong công tác quản trị, tạo động lực phát triển. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị hướng tới tiệm cận các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Liên tục nâng cấp hệ thống quản lý HSE theo tiêu chuẩn ISO, ISM Code, TMSA và Sire/ CDI trên hệ thống OCIMF. Nhờ đó, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của các kho cảng và chủ tàu lớn, có đủ điều kiện tham gia khai thác trong hiệp hội pool, đem lại hiệu quả cao gấp nhiều lần so với khai thác thông thường.

Tiếp tục được xướng danh ở APEA 2022 và lọt vào Top 10 công ty uy tín ngành logistics năm 2022, Top VNR500 và Top PROFIT500 của Vietnam Report. Đây cũng là năm đầu tiên PVTrans được tôn vinh và trao chứng nhận "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam".

CHUYÊN NGHIỆP



MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

- 11 Thông tin khái quát
- 11 Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 12 Ngành nghề, địa bàn kinh doanh
- 12 Mô hình quản trị
- 13 Sơ đồ tổ chức
- 14 HĐQT, BKS, BTGD-PVTrans
- 16 Các cột mốc lịch sử
- 18 Đơn vị thành viên
- 20 Định hướng phát triển

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

- 24 Tổng quan ngành vận tải biển năm 2022
- 25 Kết quả kinh doanh
- 26 Tình hình đầu tư
- 26 Tình hình tài chính
- 28 Tình hình nhân sự - đào tạo
- 29 Cơ cấu cổ đông

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT NĂM 2022

- 38 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của PVTrans
- 38 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD
- 39 Kế hoạch, định hướng của HĐQT

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 42 Danh sách HĐQT, BKS, BTGD, KTT
- 43 Hội đồng Quản trị
- 46 Ban Kiểm soát

06 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 50 Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường
- 51 Công tác đảm bảo an toàn lao động
- 53 Công tác bảo vệ môi trường
- 54 Chính sách phúc lợi người lao động
- 55 Hoạt động trách nhiệm xã hội
- 57 Kết quả thực hiện

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

03 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 32 Đánh giá chung
- 33 Đánh giá từng lĩnh vực
- 34 Nhận định thị trường 2023



01

THÔNG TIN CHUNG

TẦM NHÌN

Giữ vững vị trí là công ty vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam, đảm bảo việc phát triển ổn định, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao. Xây dựng phát triển PVTrans trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế.

SỨ MỆNH

Tham gia đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Đáp ứng tốt nhất nhu cầu dịch vụ vận tải và hàng hải dầu khí. Kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Duy trì và nâng cao chất lượng đội tàu, trình độ thuyền viên, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong vận hành khai thác, tuân thủ chặt chẽ các quy định của quốc tế và trong nước về an toàn hàng hải. Luôn luôn đoàn kết, hỗ trợ, đồng lòng. Gắn trách nhiệm cá nhân với hiệu quả công việc và tuân thủ kỷ cương nội bộ. Đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng và đảm bảo sự thành công của họ cũng chính là đảm bảo thành công của PVTrans. Cam kết gia tăng giá trị cho cổ đông, cam kết an toàn lao động, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên, cam kết cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp với khách hàng, cam kết về an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Sẵn sàng đón nhận thay đổi, không ngừng sáng tạo và tự đổi mới trong công việc.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Giấy CNĐKDN số: 0302743192

Vốn điều lệ: 3.236.512.460.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 8.014.058.773.970 đồng

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,
Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3911.1301

Fax: 028.3911.1300

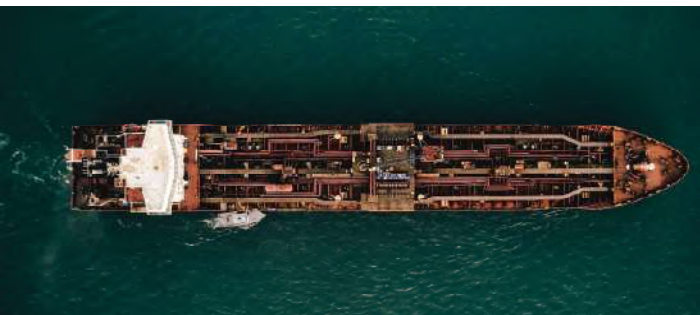
Website: www.pvtrans.com

Mã cổ phiếu: PVT

NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Vận chuyển dầu thô	Vận chuyển dầu/hóa chất
Vận tải khí hóa lỏng	Vận tải hàng rời (than)
Dịch vụ kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ hàng hải và logistics



ĐỊA BÀN KINH DOANH

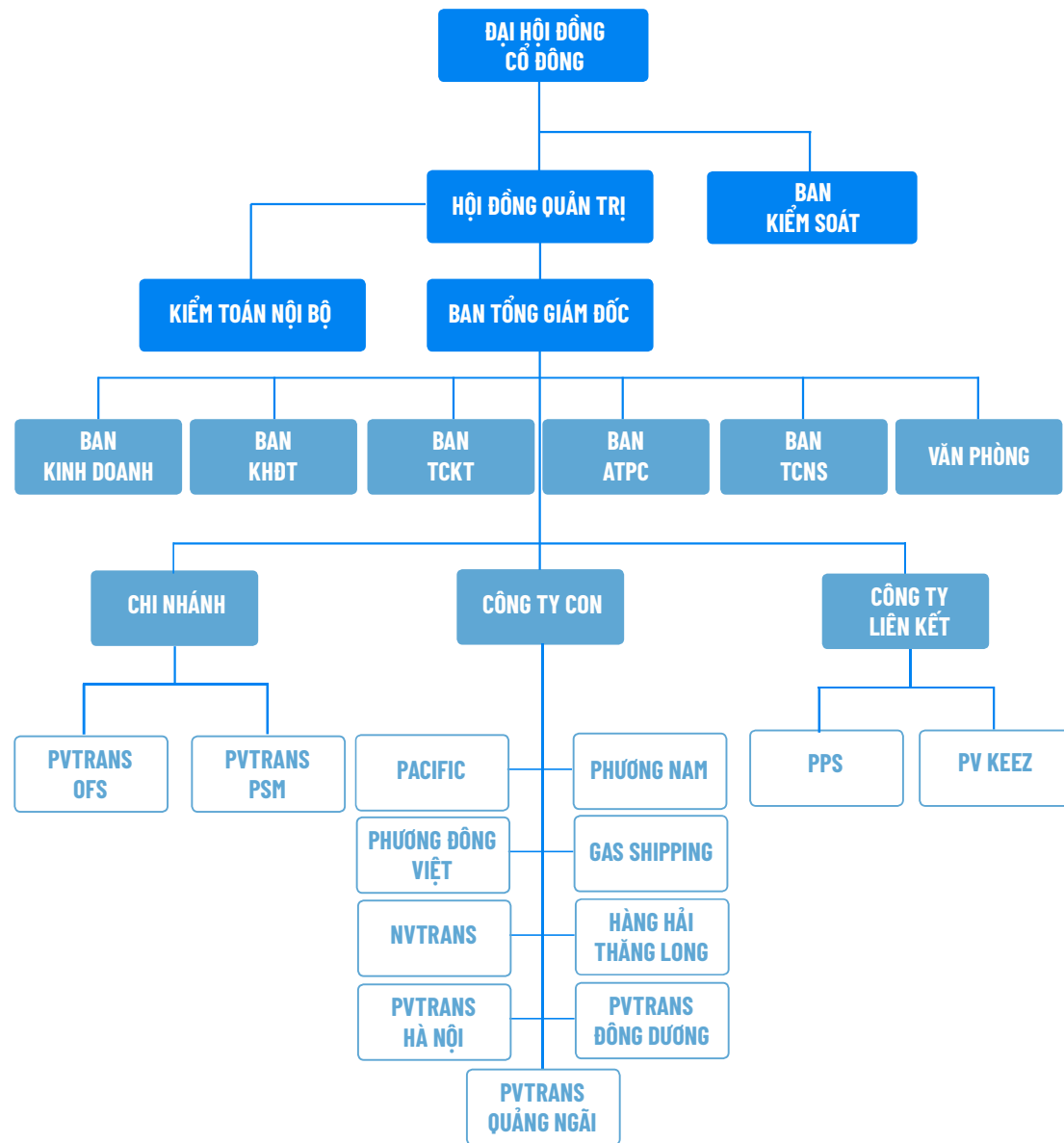
PVTrans hoạt động ở cả thị trường trong nước và nước ngoài, trong đó **85%** đội tàu của PVTrans hiện đang được khai thác tại các thị trường quốc tế.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

PVTrans là công ty đại chúng đã niêm yết trên sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) với mã cổ phiếu **PVT**. PVTrans là Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – cổ đông nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVTrans. Phần vốn còn lại được hàng nghìn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nắm giữ. PVTrans hoạt động theo mô hình Tổng công ty Mẹ - con, được tổ chức theo mô hình quản trị công ty cổ phần quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 gồm HĐQT, HĐQT, BKS và TGB, tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của công ty đại chúng niêm yết.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PHẠM VIỆT ANH
CHỦ TỊCH HĐQT
Năm sinh: 1971

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Phạm Việt Anh có hơn 30 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực hàng hải, dầu khí.

Trình độ chuyên môn:
. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
. Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
. Cử nhân Kinh tế,
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)

7 Thành viên HĐQT

3 Thành viên Ban Kiểm soát

5 Thành viên Ban TGD



ÔNG NGUYỄN DUYÊN HIẾU
THÀNH VIÊN HĐQT
TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1975

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Nguyễn Duyên Hiếu có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, hàng hải và vận tải.

Trình độ chuyên môn:
. Thạc sỹ quản lý hàng hải
. Kỹ sư Địa chất dầu khí
. Cử nhân QLĐN
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



BÀ NGUYỄN LINH GIANG
THÀNH VIÊN HĐQT
Năm sinh: 1978

Kinh nghiệm làm việc:
Bà Nguyễn Linh Giang có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán kiểm toán.

Trình độ chuyên môn:
. Thạc sỹ OTKD
. Cử nhân Kinh tế
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD).



BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
Năm sinh: 1973

Kinh nghiệm làm việc:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí.

Trình độ chuyên môn:
. Thạc sỹ



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THANH
THÀNH VIÊN HĐQT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1974

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Nguyễn Đình Thanh có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải và vận tải biển.

Trình độ chuyên môn:
. Tiến sỹ kỹ thuật
. Kỹ sư điều khiển tàu biển
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



ÔNG HOÀNG ĐỨC CHÍNH
THÀNH VIÊN HĐQT
Năm sinh: 1971

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Hoàng Đức Chính có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải và vận tải biển.

Trình độ chuyên môn:
. Kỹ sư điều khiển tàu biển
. Kỹ sư kinh tế vận tải biển
. Thạc sĩ Quản lý và khai thác tàu biển



ÔNG ĐOÀN ĐÌNH THÁI
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
Năm sinh: 1956

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Đoàn Đình Thái có hơn 44 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí

Trình độ chuyên môn:
. Tiến sĩ địa chất thăm dò
. Kỹ sư địa chất

BAN KIỂM SOÁT



BÀ TRƯƠNG THỊ ANH ĐÀO
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Năm sinh: 1974

Kinh nghiệm làm việc:
Bà Trương Thị Anh Đào có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, TCKT.

Trình độ chuyên môn:
. Cử nhân Kinh tế,
. Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



ÔNG KIM KWANG HYUK
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Kim Kwang Hyuk có hơn 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và đầu tư.

Trình độ chuyên môn:
. Cử nhân Kinh tế



BÀ NGUYỄN THỊ NHUNG
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Năm sinh: 1974

Kinh nghiệm làm việc:
Bà Nguyễn Thị Nhung có hơn 27 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Trình độ chuyên môn:
. Cử nhân Kế toán Tài chính
. Cử nhân Quản trị Du lịch, Khách sạn

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN DUYÊN HIẾU
TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1975

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Nguyễn Duyên Hiếu có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, hàng hải và vận tải.

- Trình độ chuyên môn:
- . Thạc sỹ quản lý hàng hải
 - . Kỹ sư Địa chất dầu khí
 - . Cử nhân QLDN
 - . Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1974

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Nguyễn Đình Thanh có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải và vận tải biển.

- Trình độ chuyên môn:
- . Tiến sỹ kỹ thuật
 - . Kỹ sư điều khiển tàu biển
 - . Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



ÔNG LÊ MẠNH TUẤN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1968

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Lê Mạnh Tuấn có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch kinh doanh và đầu tư trong và ngoài ngành dầu khí

- Trình độ chuyên môn:
- . Kỹ sư Kinh tế Hóa chất
 - . Cử nhân Tài chính Kế toán
 - . Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



ÔNG NGUYỄN VIẾT LONG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1969

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Nguyễn Viết Long có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải biển, hàng hải và dầu khí.

- Trình độ chuyên môn:
- . Kỹ sư Hàng hải, QTDN



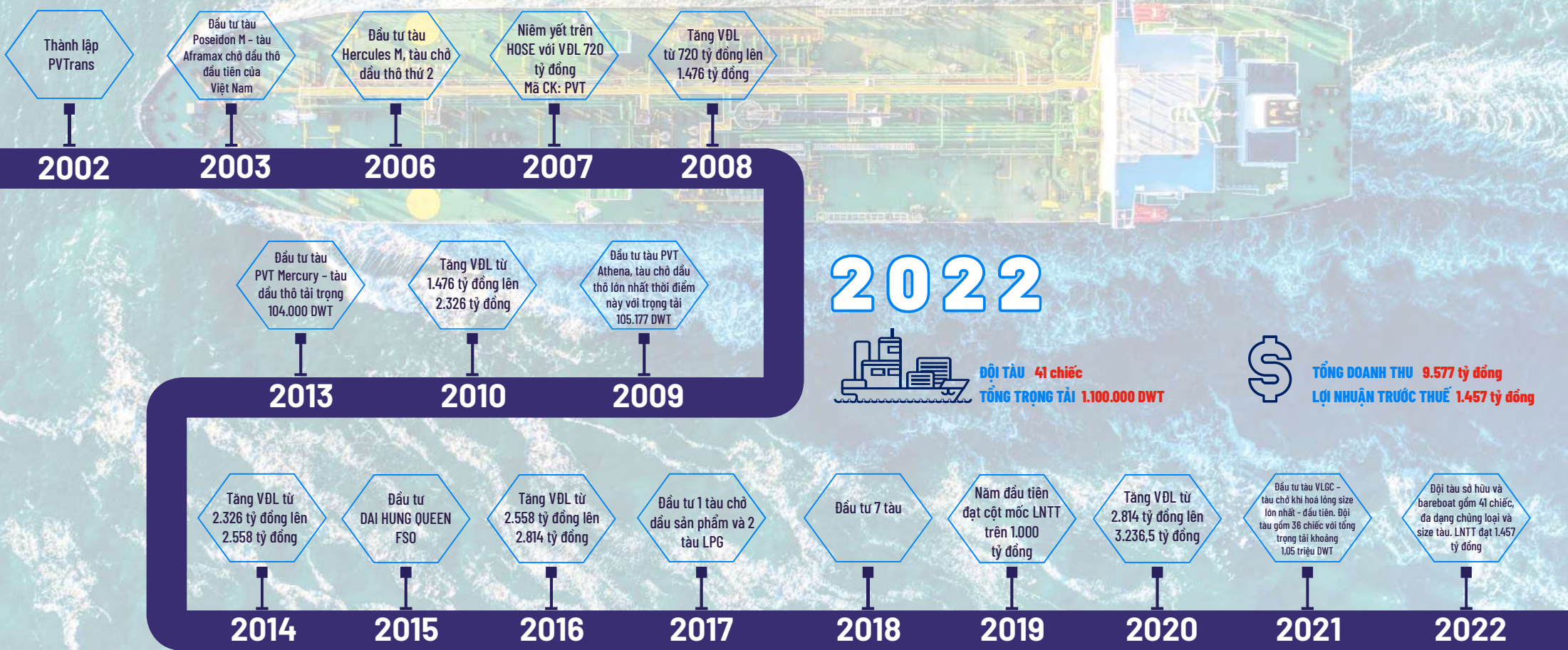
ÔNG NGUYỄN QUỐC THỊNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1976

Kinh nghiệm làm việc:
Ông Nguyễn Quốc Thịnh có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí

- Trình độ chuyên môn:
- . Cử nhân Kinh tế
 - . Cử nhân Luật



CÁC CỘT MỐC LỊCH SỬ



2022



ĐỘI TÀU 41 chiếc
TỔNG TRỌNG TẢI 1.100.000 DWT



TỔNG DOANH THU 9.577 tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 1.457 tỷ đồng

Đơn vị thành viên

Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương



- . Ngày thành lập: 28/01/2008
- . Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 942.750.280.000 đồng
- . Là đơn vị ủy thác của PVTrans vận chuyển toàn bộ dầu thô đầu vào từ mỏ Bạch Hổ và các mỏ nội địa cho NMLD Dung Quất đáp ứng nhu cầu sản xuất của nhà máy; cung cấp dịch vụ cho thuê tàu biển tại thị trường trong và ngoài nước bao gồm tàu chứa xuất dầu thô FSO và tàu chở dầu thô Aframax.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 64,92%

Công ty CP Vận tải Xăng dầu Phương Nam



- . Ngày thành lập: 11/04/2008
- . Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 582.565.080.000 đồng
- . Là đơn vị ủy thác của PVTrans phát triển mảng thị trường vận tải nội địa, vận chuyển xăng dầu cho PVOIL từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn đến các kho cảng xăng dầu trong nước; quản lý và khai thác các tàu dầu/ hóa chất cỡ trung bình từ 20.000 DWT trở lên trên các tuyến quốc tế.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 69,63%

Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt



- . Ngày thành lập: 20/04/2007
- . Trụ sở chính: P806, lầu 8 Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 311.099.860.000 đồng
- . Khai thác các tàu dầu/hóa chất cỡ nhỏ khoảng 13.000-20.000 DWT và tàu hàng rời trên các tuyến quốc tế; cung cấp dịch vụ quản lý kỹ thuật, đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn cho thuyền viên
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 51,87%

Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế



- . Ngày thành lập: 24/12/2007
- . Trụ sở chính: Tầng 13, Tòa nhà Sofic, Số 10 Mai Chí Thọ, P. Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP. HCM
- . Vốn điều lệ: 557.994.450.000 đồng
- . Vận chuyển khí hóa lỏng chủ yếu cho NMLD Dung Quất và PVGas Trading và các đơn vị trong và ngoài ngành tại thị trường nội địa; cung cấp dịch vụ cho thuê tàu chở khí hóa lỏng và dầu/hóa chất trên các tuyến quốc tế.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 67,98%

Công ty CP Vận tải Nhật Việt



- . Ngày thành lập: 08/05/2009
- . Trụ sở chính: 151 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 850.000.000.000 đồng
- . Vận chuyển khí hóa lỏng cho NMLD Dung Quất, PVGas Trading và các đơn vị trong nước; cung cấp dịch vụ quản lý tàu, dịch vụ cho thuê tàu chở khí hóa lỏng và hàng rời trên các tuyến quốc tế.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 51,00%

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương



- . Ngày thành lập: 25/07/2007
- . Trụ sở chính: Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- . Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- . Cung cấp dịch vụ vận tải vận tải dầu/hóa chất, vận tải đường bộ, dịch vụ cho thuê xe bốn CNG.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 52,06%

Công ty CP Hàng Hải Thăng Long



- . Ngày thành lập: 26/11/2010
- . Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 156.232.000.000 đồng
- . Cung cấp dịch vụ vận chuyển dầu/ hóa chất và dịch vụ hàng hải dầu khí.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 99,85%

Công ty CP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi



- . Ngày thành lập: 07/12/2010
- . Trụ sở chính: E1 Tôn Đức Thắng, P. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- . Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng
- . Cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải, kinh doanh chiết nạp LPG chai và vận chuyển hạt nhựa băng đường bộ.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 50,67%

Công ty CP Vận tải Dầu khí Hà Nội



- . Trụ sở chính: Tầng 14, Tòa nhà 319 Bộ Quốc Phòng, 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- . Vốn điều lệ: 213.465.000.000 đồng
- . Cung cấp dịch vụ vận tải hàng rời và vận tải dầu/hóa chất.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 50,50%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Duy trì vị thế Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) là doanh nghiệp vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam. Xây dựng, phát triển PVTrans trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực, mở rộng hoạt động khai thác các tuyến quốc tế và từng bước tham gia chuỗi vận chuyển cung ứng toàn cầu

MỤC TIÊU CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đối với hoạt động SXKD, PVTrans phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD 5 năm 2021-2025 trong đó, tổng doanh thu hợp nhất của PVTrans dự kiến **39,5-42,0 nghìn tỷ đồng**, phần đầu tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến **4,9-6,0 nghìn tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế hợp nhất dự kiến **3,8-4,5 nghìn tỷ đồng**. Doanh thu Công ty mẹ đạt khoảng **14,5-15,5 nghìn tỷ đồng**, lợi nhuận trước thuế đạt khoảng **2,7-3,2 nghìn tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế đạt khoảng **2,2-2,5 nghìn tỷ đồng**. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu hợp nhất trung bình đạt **3%/năm**; lợi nhuận hợp nhất khoảng **5%/năm**; doanh thu công ty mẹ tăng trưởng **3%/năm**; lợi nhuận công ty mẹ khoảng **5%/năm**.

Xây dựng phát triển đội tàu chở dầu thô, dầu/hóa chất, vận tải khí (LPG, LNG), hàng rời, sà lan với tổng số đến **72 chiếc** đến năm 2025 (trong đó dự kiến thanh lý 7 chiếc), đảm bảo đáp ứng toàn bộ yêu cầu vận tải nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra cho các dự án lọc hóa dầu, dự án khí và các nhà máy điện than của Tập đoàn và các đối tác bên ngoài.

Phát triển các dịch vụ vận tải tại thị trường quốc tế, đảm bảo xuất khẩu dịch vụ ra nước ngoài chiếm tỷ trọng ít nhất **70%** trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận vận tải.

Đảm bảo tất cả các DVTV đều hoạt động ổn định và có lãi. Kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động, bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.



**PVTRANS 20 NĂM,
VỮNG VÀNG TAY LÁI,
VƯỢT SÓNG VƯƠN XA**



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
NĂM 2022



TỔNG QUAN NGÀNH VẬN TẢI BIỂN NĂM 2022

Năm 2022, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều bất ổn, đặc biệt đến từ cuộc xung đột chính trị Nga-Ukraine và diễn biến dịch bệnh phức tạp. Điều này gây ra các hệ lụy nghiêm trọng bao gồm tăng trưởng kinh tế giảm sút, lạm phát tăng cao và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngoài ra, điều kiện tài chính toàn cầu trở nên khắt khe hơn, hạn mức tín dụng thắt chặt, chi phí vay vốn tăng cao, tỷ giá biến động và việc rút dần các gói hỗ trợ chính sách tiếp tục cản trở sự phục hồi của nền kinh tế.

Thị trường dầu thô năm 2022 biến động liên tục và khó lường kể từ khi cuộc chiến Nga-Ukraine nổ ra. Sau khi đạt các đỉnh vào tháng 3, giá dầu thô đã đảo chiều và điều chỉnh giảm giữa lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế và áp lực lạm phát. Tuy nhiên, giá dầu Brent duy trì ở mức cao, tăng khoảng 20% so với bình quân năm 2021. Theo diễn biến giá dầu thô, giá dầu nhiên liệu cũng biến động mạnh, tăng khoảng 30% so với bình quân năm 2021.

Thị trường vận tải biển năm 2022 cũng biến động và có sự phân hóa mạnh trong khi thị trường vận tải hàng lỏng hiện vẫn diễn biến tương đối thuận lợi, thị trường vận tải hàng rời chịu tác động mạnh từ sự suy giảm tăng trưởng kinh tế và đã lao dốc trong nửa cuối năm (kể từ tháng 8).

THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI DẦU THÔ

Thị trường vận tải dầu thô diễn biến theo hướng tích cực do sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ sau đại dịch, sự thay đổi dòng chảy thương mại do các lệnh cấm vận của EU lên dầu thô của Nga. Theo báo cáo của Clarksons, nhu cầu vận tải dầu thô và khối lượng luân chuyển dầu thô bằng đường biển (tonne miles) lần lượt tăng **6,6%** và **5,7%** trong năm 2022 chủ yếu do sự hồi phục sản lượng hàng xuất khẩu tại Trung Đông và các chuyến hàng gia tăng tại Mỹ. Giá cước cho thuê định hạn (TC) thời hạn 01 năm bình quân ở các phân khúc VLCC và Aframax tăng lần lượt khoảng **23%** và **61%** so với bình quân năm 2021.

THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI DẦU SẢN PHẨM

Cùng chung xu hướng với thị trường vận tải dầu thô, thị trường vận tải dầu sản phẩm cũng phục hồi mạnh mẽ ở tất cả các phân khúc. Theo báo cáo của Clarksons, nhu cầu vận tải sản phẩm và khối lượng luân chuyển dầu sản phẩm bằng đường biển (tonne miles) lần lượt tăng **3,1%** và **4,7%** trong năm 2022. Thị trường cho thuê định hạn tăng trưởng tích cực trong năm 2022 theo xu hướng thị trường cho thuê chuyển với giá TC thời hạn 01 năm phân khúc MR và Handysize đều tăng khoảng **65%** so với bình quân năm 2021.

THỊ TRƯỜNG VẬN CHUYỂN HÓA CHẤT

Thị trường vận chuyển hóa chất duy trì ổn định trong nửa đầu năm và liên tục tăng trưởng trong nửa năm còn lại do ảnh hưởng từ lệnh cấm vận Nga cùng với thay đổi về công suất hoạt động của các NMLD tại châu Âu/ Úc và Trung Đông. Các nhà máy sản xuất hóa chất thiếu hụt nguồn cung khí đốt trong bối cảnh giá khí đốt tăng cao và Nga cắt đường ống dẫn khí sang EU làm gia tăng nhu cầu mua hóa chất đã qua xử lý trực tiếp. Theo báo cáo của Clarksons, khối lượng hóa chất luân chuyển bằng đường biển (tonne miles) tăng khoảng **2,8%** so với năm 2021. Giá TC thời hạn 01 năm phân khúc tàu hóa chất 13.000 DWT và 19.999 DWT đang ở mức cao, tăng trưởng lần lượt **36%** và **19%** so với bình quân năm 2021.

THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI KHÍ LPG

Thị trường tiếp tục cải thiện trong năm 2022 khi giá cước phục hồi nhanh từ nửa cuối quý II/2022. Theo báo cáo của Clarksons, khối lượng luân chuyển LPG bằng đường biển năm 2022 tăng **1,6%** so với năm 2021, chủ yếu do xuất khẩu từ Trung Đông và Mỹ tăng trưởng lần lượt **12%** và **3%**. Sản lượng nhập khẩu năm 2022 tăng trưởng chủ yếu nhờ mở rộng công suất nhà máy khí propane tại Trung Quốc và việc thay thế khí naphtha và LNG trong bối cảnh giá cao tại Hàn Quốc. Theo báo cáo Clarksons, giá TC thời hạn 01 năm đối với các tàu VLGC năm 2022 cao hơn **4%** so với bình quân năm 2021. Đối với phân khúc tàu định áp, giá TC tại khu vực Đông và Tây lần lượt tăng **7%** và **12%** so với bình quân năm 2021.



KẾT QUẢ KINH DOANH

Nhờ có sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, PVTrans đã chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất ổn định an toàn, hiệu quả và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ so với 2021	Tỷ lệ hoàn thành KH
I Hợp nhất						
1	Tổng doanh thu	2.716	6.500	9.577	124%	147%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.040	600	1.457	140%	243%
3	Lợi nhuận sau thuế	835	480	1.158	138%	241%
4	Nợ ngân sách	449	245	521	116%	213%
II Công ty mẹ						
1	Tổng doanh thu	3.144	2.450	3.477	111%	142%
2	Lợi nhuận trước thuế	600	400	631	105%	158%
3	Lợi nhuận sau thuế	503	325	522	104%	161%
4	Nợ ngân sách	281	150	239	85%	159%

THỊ TRƯỜNG VẬN CHUYỂN HÀNG RỜI

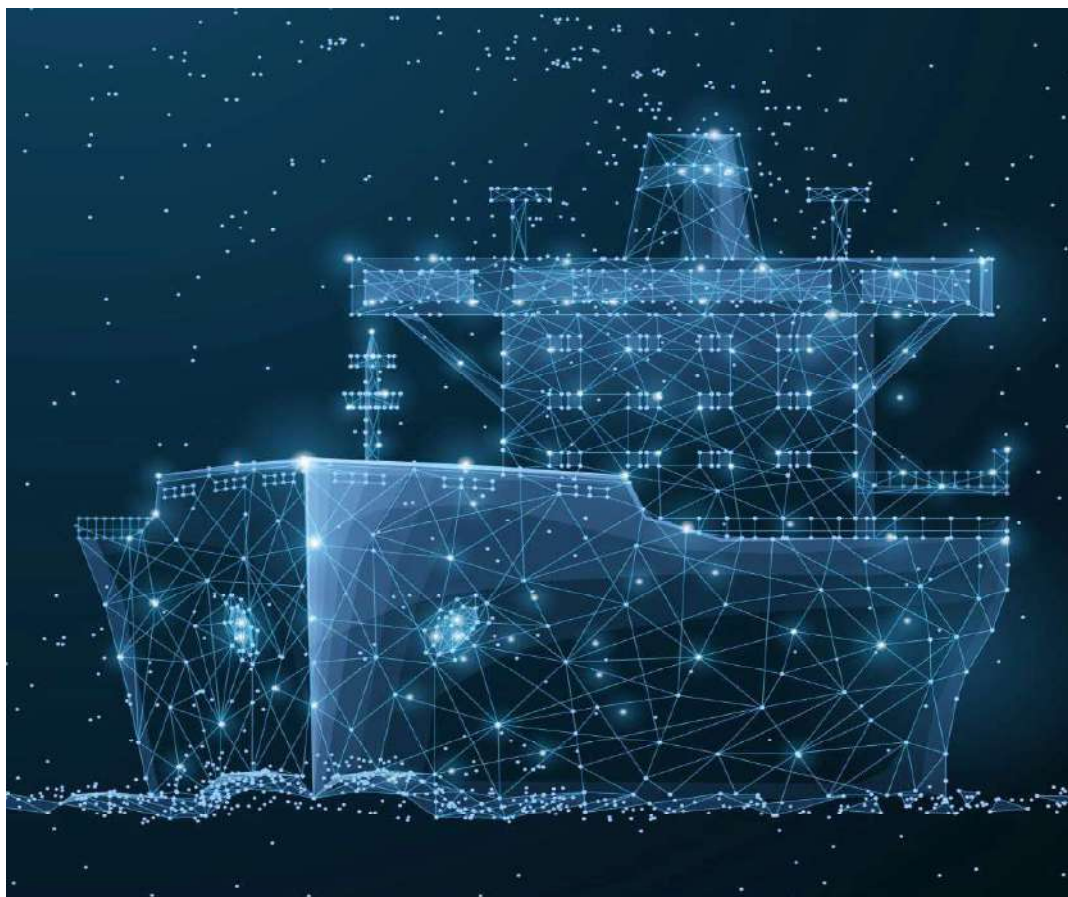
Trong năm 2022, thị trường biến động mạnh trong thời gian ngắn dưới tác động của việc kiểm soát dịch bệnh tại Trung Quốc, chính sách xuất khẩu than của Indonesia, lệnh cấm vận các loại hàng rời của Nga, việc hạn chế lưu thông hàng hóa từ Ukraine do các cảng, tuyến hàng hải trong khu vực bị phong tỏa, tình hình lạm phát gia tăng, giá than tăng cao do khủng hoảng năng lượng và sự suy giảm nhu cầu tiêu thụ/ vận chuyển hàng rời do suy thoái kinh tế thế giới. Chỉ số thuê tàu hàng rời BDI (Baltic Dry Index) năm 2022 chỉ bằng **65,8%** so với mức bình quân năm 2021. Giá cước cho thuê định hạn kỳ hạn 01 năm bình quân năm 2022 ở các phân khúc chỉ bằng **80-95%** so với mức cước bình quân của năm 2021, thị trường ở thời điểm cuối năm 2022 giảm mạnh từ **30-40%** so với mức bình quân của năm 2022.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Nền kinh tế từng bước phục hồi, kéo theo sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu phục vụ hoạt động SXKD và vận chuyển. NMLD Dung Quất hoạt động liên tục với công suất trung bình từ **105-110%** năm 2022 để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước. Sau khi giảm công suất và hoạt động gián đoạn trong nửa đầu năm 2022, NMLHD Nghi Sơn đã dần đi vào hoạt động ổn định trở lại và đạt công suất gần **105%** kể từ tháng 5/2022.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Nhờ tranh thủ thời điểm đầu năm khí thị trường chưa biến động nhiều, PVTrans đã nỗ lực hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác **02** tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT (**PVT Estel-la, PVT Elena**), **02** tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT (**PVT Sunrise, Aquarius**), **01** tàu chở hàng rời Supramax (**Bulk Orianna**) và **01** sà lan chở hàng rời trọng tải khoảng 10.000 DWT (**Epic 9**). Ngoài ra, PVTrans đã ký hợp đồng thuê bareboat và đưa vào khai thác **01** tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT (**PVT Flora**), **01** tàu chở LPG (**Morning Jane**) và **01** tàu chở hàng rời Handysize (**Pacific Hope**). Bên cạnh đó, PVTrans đã bán/thanh lý **03** tàu là tàu **PVT Athena, Phương Dong Star** và **Song Hau PN**.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản - Nguồn vốn năm 2022



TỔNG TÀI SẢN



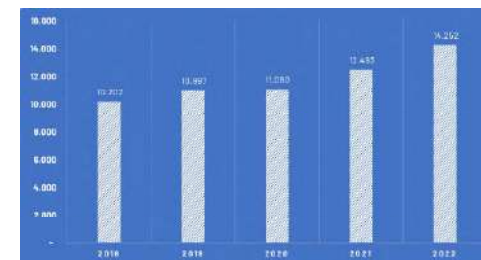
NỢ PHẢI TRẢ



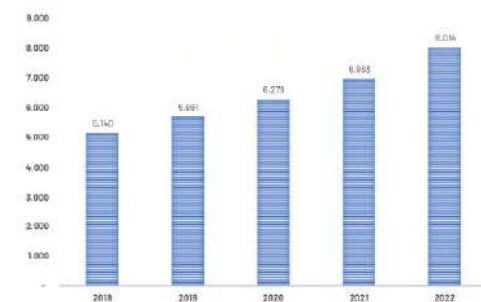
NGUỒN VỐN



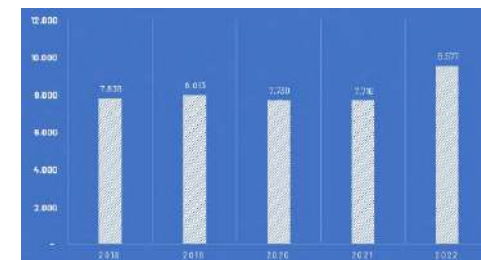
TỔNG TÀI SẢN



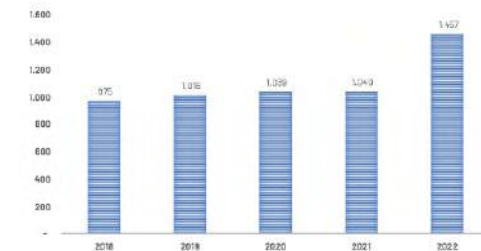
VỐN CHỦ SỞ HỮU



TỔNG DOANH THU



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,77	1,52	1,93	1,98	2,06
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	1,70	1,47	1,88	1,92	2,00
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
2.1	Tổng nợ/Tổng tài sản	49,6%	48,3%	43,4%	44,3%	43,8%
2.2	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	98,5%	93,2%	76,6%	79,4%	77,8%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
3.1	Vòng quay khoản phải thu	7,90	7,95	7,50	5,78	6,34
3.2	Vòng quay hàng tồn kho	52,23	47,21	52,36	48,95	46,03
3.3	Vòng quay tổng tài sản	0,78	0,73	0,67	0,63	0,68
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
4.1	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	10,4%	10,6%	11,2%	11,2%	12,8%
4.2	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	15,9%	15,2%	13,9%	12,6%	15,4%
4.3	Hệ số LNST/Tổng tài sản	8,0%	7,7%	7,5%	7,1%	8,7%

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN, VỐN

Khả năng sinh lời

Hệ số LNST/DTT (ROS) năm 2022 của PVTrans đạt **12,8%**, hệ số LNST/TTS (ROA) đạt **8,7%** và hệ số LNST/VCSH (ROE) đạt **15,4%**. Các chỉ số khả năng sinh lời của PVTrans được duy trì ổn định qua các năm với tỷ lệ tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, năm sau cao hơn năm trước, cho thấy hiệu quả từ hoạt động kinh doanh của PVTrans.

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2022 của PVTrans lần lượt là **2,06** và **2,0** lần, cho thấy năng

lực tài chính vững mạnh và khả năng thanh toán các khoản nợ tốt của PVTrans. Nhờ việc luân duy trì các hệ số thanh toán ở mức cao và phù hợp với đặc thù doanh nghiệp mà PVTrans có nhiều thuận lợi trong việc thu xếp vốn vay trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Chỉ số hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay khoản phải thu của PVTrans luôn duy trì ổn định ở mức **6 vòng/năm** do PVTrans luôn chú trọng giám sát và tăng cường công tác quản lý và thu hồi nợ. Vòng quay tổng tài sản năm

2022 của PVTrans là **0,68**, cho thấy tài sản được sử dụng hiệu quả.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ, ĐÀO TẠO

Số lao động bình quân trong năm 2022 ước đạt **2.181** người bằng **93%** kế hoạch năm. Thu nhập bình quân của người lao động ước đạt **25 triệu đồng/người/tháng**, đạt **108%** kế hoạch năm. Năng suất lao động ước đạt **349,6 triệu đồng/người/tháng**, tương đương **152%** kế hoạch năm. PVTrans đã thực hiện đào tạo được **2.000** lượt người, tương đương **74%** kế hoạch năm.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/03/2023

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ		
			Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Tổng cộng
1	Cổ đông cá nhân	20.557	729.403	68.966.115	69.695.518
1.1	Trong nước	20.348	729.403	67.899.022	68.628.425
	- Chưa lưu ký	858	729.403	-	729.403
	- Đã lưu ký	19.490	-	67.899.022	67.899.022
1.2	Nước ngoài	209	-	1.067.093	1.067.093
2	Cổ đông tổ chức	140	-	253.955.728	253.955.728
2.1	Trong nước	68	-	196.630.047	196.630.047
2.2	Nước ngoài	72	-	57.325.681	57.325.681
3	TỔNG CỘNG	20.697	729.403	322.921.843	323.651.246

Danh sách cổ đông lớn (từ 5% VDL trở lên) tại thời điểm 16/03/2023

STT	Tên cổ đông	Giấy ĐKKD (tổ chức) hoặc CCCD/Hộ chiếu (cá nhân)	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100601592	18 Phố Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	165.066.492	51,00%
	Tổng cộng			165.066.492	51,00%



03 |

BẢO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CHUNG

THUẬN LỢI

Triển vọng thị trường vận tải hàng lông quốc tế diễn biến tích cực khi các yếu tố cơ bản vẫn duy trì chủ yếu nhờ nhu cầu vận chuyển tấn hải lý (tonne-mile demand) tăng do quãng đường vận chuyển xa hơn trong bối cảnh nguồn cung tàu giới hạn.

Nhu cầu tiêu thụ và vận tải nhiên liệu trong nước gia tăng tạo điều kiện thuận lợi cho mảng vận tải nội địa của PVTrans.

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVTrans tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ PVN, cùng sự hợp tác, phối hợp của các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí, nhờ đó duy trì vị thế đơn vị vận tải hàng lông số 1 Việt Nam.

THÁCH THỨC

Thị trường mua bán tàu đóng mới và tàu qua sử dụng thường xuyên ở trạng thái có lợi cho người bán với giá tàu duy trì ở mức cao, nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai kế hoạch đầu tư tàu trong năm 2022. Việc ra quyết định đầu tư đòi hỏi phải lựa chọn những thời điểm thích hợp, vừa nhanh chóng và quyết đoán, nhưng đồng thời cũng phải thận trọng nhằm kiểm soát rủi ro tránh bẫy đầu tư trong giai đoạn thị trường đang nóng.

Do tác động của suy thoái kinh tế và xung đột chính trị, thị trường vận tải hàng rời diễn biến bất lợi trong nửa cuối năm 2022, giá cước tụt giảm nhanh chóng kể từ tháng 8/2022, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác của đội tàu hàng rời của PVTrans trên thị trường quốc tế.

Lạm phát duy trì ở mức cao làm gia tăng chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng cao khoảng 40-50% tổng chi phí hoạt động. Ngoài ra, chi phí tài chính tăng cao do lãi suất tăng và đồng USD tăng giá cũng dẫn đến sự gia tăng của chi phí cố định của đội tàu.

Khả năng tiếp cận nguồn vốn vay cả trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư mua tàu khó khăn do các định chế tài chính thắt chặt tín dụng.

ĐIỂM MẠNH

PVTrans tận dụng tốt cơ hội thị trường diễn biến tích cực, đạt được kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội so với năm trước. Đồng thời, đưa ra giải pháp đột phá về đầu tư dưới hình thức thuê mua bareboat (BBHP) để mở rộng quy mô đội tàu trong bối cảnh nguồn cung tàu hạn chế và tín dụng siết chặt.

Thương hiệu và hình ảnh của PVTrans trong ngành dầu khí và vận tải biển không ngừng được nâng cao, tạo sự tin nhiệm cao đối với khách hàng, đối tác, các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Tiềm lực tài chính vững mạnh và không ngừng cải thiện, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phục vụ mục tiêu mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động.

Tập thể lãnh đạo, CBCNV và thuyền viên phát huy tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, quyết tâm hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

HẠN CHẾ

PVTrans chưa hoàn thành các dự án đầu tư tàu và đầu tư góp vốn vào các ĐVTV theo kế hoạch năm 2022.

VẬN TẢI DẦU THÔ

PVTrans vận chuyển an toàn và kịp thời dầu thô cho BSR từ các mỏ nội địa về NMLD Dung Quất với tổng sản lượng đạt **5,7** triệu tấn.

Trong bối cảnh thị trường vận chuyển dầu thô quốc tế diễn biến thuận lợi, PVTrans duy trì khai thác an toàn, hiệu quả tàu theo hình thức cho thuê tàu chuyển và định hạn trên các tuyến quốc tế.

VẬN TẢI LPG

Năm 2022, PVTrans tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu vận tải của BSR, PVGas ... giữ vững 100% thị phần thị trường vận tải LPG nội địa, thực hiện chuyên chở **1,5** triệu tấn LPG. Ngoài ra, PVTrans cũng tăng cường cho các tàu khai thác trên thị trường quốc tế, xây dựng thương hiệu, từng bước tạo dựng những mối quan hệ với các chủ hàng lớn của khu vực Châu Á như PTT, Apex, Itochu, Petronas ...

VẬN TẢI DẦU SẢN PHẨM/ HÓA CHẤT

PVTrans đã vận chuyển xăng dầu cho PVOil và các đầu mối xăng dầu khác trong nước từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn với tổng sản lượng đạt **2,6** triệu tấn dầu sản phẩm. Trên thị trường quốc tế, đội tàu dầu hóa chất của PVTrans gồm 15 chiếc hoạt động liên tục chủ yếu tại khu vực châu Âu, Nam Mỹ, mang lại hiệu quả tốt trong một năm thị trường thuận lợi.

VẬN TẢI HÀNG RỜI

PVTrans tiếp tục duy trì việc khai thác các tàu chở hàng rời trên thị trường quốc tế theo phương thức cho thuê tàu chuyển và định hạn.

DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI DẦU KHÍ FSO/FPSO

PVTrans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, duy trì tỷ lệ thời gian uptime đạt 100%, không để xảy ra tai nạn sự cố hoặc dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật của tàu, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ. Đối với việc quản lý vận hành tàu FPSO Lewek Emas tại Mỏ Chim Sáo (đến tháng 10/2022) và dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, PVTrans đã phối hợp chặt chẽ với khách hàng để duy trì hoạt động và tích cực đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng về nhân sự O&M.

**ĐÁNH GIÁ TỪNG LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

THỊ TRƯỜNG DẦU MỎ QUỐC TẾ

Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế IEA, nhu cầu dầu toàn cầu dự báo sẽ đạt 101,9 triệu thùng/ngày vào năm 2023, tăng 2 triệu thùng/ngày so với năm trước, mức cao nhất trong vòng 3 năm qua. Riêng Trung Quốc, nhu cầu dự kiến sẽ tăng 900.000 thùng/ngày, chiếm gần một nửa mức tăng dự báo của toàn thế giới khi nhu cầu xăng dầu, nhiên liệu cho sản xuất và đi lại dự kiến tăng mạnh sau khi nền kinh tế số 2 thế giới mở cửa. Trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt do Nga dự kiến sẽ cắt giảm mạnh sản lượng xuất khẩu dầu, dự báo giá dầu tăng mạnh từ giữa năm 2023.

THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI BIỂN QUỐC TẾ

Dự báo triển vọng thị trường vận tải hàng lông bao gồm dầu thô, dầu sản phẩm nhìn chung vẫn tương đối tích cực nhờ nhu cầu vận chuyển tấn hải lý (tonne-mile demand) tăng trong bối cảnh nguồn cung tàu giới hạn. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng của thị trường có thể bị ảnh hưởng do các rủi ro liên quan đến sự tăng trưởng kinh tế thấp hơn dự báo và việc cắt giảm sản lượng dầu của OPEC+. Theo đó, giá cước năm 2023 dự kiến sẽ hạ nhiệt sau khi tăng trưởng cục bộ trong năm 2022. Thị trường vận tải hóa chất và LPG dự báo duy trì ổn định trong khi đó thị trường vận tải hàng rời cũng đã có những diễn biến tích cực hơn do việc mở cửa trở lại của kinh tế Trung Quốc và sự hạ nhiệt dần của các bất ổn kinh tế vĩ mô.

TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ TIÊU THỤ XĂNG DẦU NỘI ĐỊA

Nhiều tổ chức quốc tế dự báo kinh tế Việt Nam năm 2023 tiếp tục tăng trưởng tốt song sẽ giảm tốc xuống mức còn **6,0-6,5%** so với mức nền cao 8% năm 2022. Triển vọng tăng trưởng có thể chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi nhiều yếu tố rủi ro bao gồm nguy cơ suy thoái kinh tế thế giới cục bộ, sự nhập khẩu lạm phát, các điều kiện tài chính toàn cầu còn tiếp tục thắt chặt với mặt bằng lãi

Năm 2023, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ trở nên tích cực hơn. Các tổ chức quốc tế uy tín như IMF, Citibank và OPEC... đồng loạt nâng nhẹ dự báo tăng trưởng kinh tế so với dự báo trước đó song vẫn giữ dự báo tăng trưởng ở mức thấp nhất trong 40 năm qua: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) điều chỉnh tăng từ 2,7% lên 2,9%; Ngân hàng Citibank đã điều chỉnh tăng từ 1,95% lên 2,2%, OPEC điều chỉnh tăng từ 2,5% lên 2,6%.

Dù kinh tế toàn cầu đã cho thấy nhiều tín hiệu phục hồi trong những tháng đầu năm 2023, giới phân tích vẫn quan ngại về không ít khó khăn, thách thức phía trước. Lạm phát có xu hướng giảm, nhưng vẫn là mối lo đáng kể trong năm 2023 khi sự tăng trưởng trở lại của nhiều nền kinh tế lớn cũng sẽ làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ, có thể tiếp tục gây áp lực lên lạm phát. Bên cạnh đó, cuộc chiến Nga-Ukraine đang tiếp diễn và chưa có hồi kết cùng vấn đề nợ công và các bất ổn khác vẫn có nguy cơ cản bước tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

suất còn cao, tỷ giá chịu sức ép tăng trong khi dự địa chính sách tiền tệ hạn chế và thanh khoản tài chính còn eo hẹp và diễn biến trên thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp trong nước.

Công suất hoạt động của các nhà máy dự kiến sẽ suy giảm khi cả hai nhà máy đều đến kỳ bảo dưỡng tổng thể trong năm 2023. Cụ thể, NMLD Dung Quất dự kiến dừng hoạt động bảo dưỡng khoảng 50-55 ngày và NMLHD Nghi Sơn dự kiến dừng hoạt động bảo dưỡng 45-50 ngày. Nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu trong nước có thể bị tác động tiêu cực bởi nguy cơ suy giảm đà hồi phục kinh tế và lạm phát còn ở mức cao. Do đó, sản lượng vận chuyển dầu thô, xăng dầu và khí LPG nội địa dự kiến sẽ thấp hơn so với năm 2022.

Năm 2023 tiếp tục là một năm có nhiều thử thách với PVTrans. Tuy nhiên với tầm nhìn chiến lược của ban lãnh đạo, cùng với sự đồng lòng, nỗ lực và quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên, thuyền viên, con tàu PVTrans sẽ tiếp tục vượt qua những con sóng lớn để khẳng định vị thế công ty vận tải biển hàng đầu Việt Nam.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY NĂM 2022

Năm 2022, với sự chủ động, linh hoạt nắm bắt những cơ hội từ thị trường, PVTrans không chỉ giữ vững tăng trưởng vượt bậc hai con số mà còn ghi nhận nhiều dấu ấn quan trọng trên các lĩnh vực hoạt động SXKD.

Bên cạnh những thành tựu tài chính ấn tượng, PVTrans cũng nổi bật ở vai trò gánh vác trách nhiệm với môi trường và xã hội”.

DÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

Thông qua các phiên họp định kỳ, qua phối hợp chỉ đạo hàng quý, hàng tháng và qua hoạt động giám sát, chất vấn, HĐQT nhận thấy Ban Tổng giám đốc đã có những nỗ lực trong công tác tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đã triển khai tích cực các Nghị quyết của HĐQT, qua đó đạt kết quả kinh doanh tăng trưởng và vượt mục kế hoạch được giao.

HĐQT đánh giá cao kết quả điều hành hoạt động kinh doanh năm 2022 trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đầy biến động và bất ổn. Với kết quả kinh doanh đạt được năm 2022, các tiến độ chiến lược đã tạo ra được trong hai năm vừa qua, Ban Tổng giám đốc đang chứng tỏ năng lực và sự sẵn sàng để đưa PVTrans bước vào giai đoạn tăng trưởng mới.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị, các quy chế, quy định nội bộ, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của TGD và các thành viên BTGD trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2022 như sau:

- Việc thực thi chiến lược và kế hoạch kinh doanh;*
- Việc triển khai hoạt động đầu tư;*
- Việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;*
- Việc thực hiện nghiêm túc chế độ BCTC quý/bán niên/năm và BCTN;*
- Việc triển khai các chính sách quản lý nhân sự*

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Một là, trong bối cảnh kinh tế bất ổn diễn ra trên phạm vi toàn cầu, BTGD vẫn đảm bảo giữ vững tốc độ tăng trưởng, đồng thời tạo ra các động lực tăng trưởng mới bám sát chiến lược và tầm nhìn của PVTrans.

Hai là, BTGD đã luôn cập nhật sát sao tình hình thị trường nhằm nắm bắt cơ hội đầu tư các dự án theo kế hoạch 2022 đã được phê duyệt. BTGD cũng làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện thủ tục tăng vốn theo phương án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Ba là, các nghị quyết của HĐQT được nghiêm túc thi hành và được đảm bảo bằng sự minh bạch trong công bố thông tin cũng như thực hiện báo cáo quản trị định kỳ theo đúng quy định.

Bốn là, BTGD nghiêm túc thực hiện chế độ Báo cáo tài chính quý/bán niên/năm và Báo cáo thường niên. BTGD siết chặt hơn việc kiểm soát kết quả kinh doanh, tình hình công nợ định kỳ, đảm bảo tiến độ hoàn thành kế hoạch tài chính năm và luôn kịp thời đưa ra giải pháp tháo gỡ gặp khó khăn.

Năm là, BTGD đã ban hành nhiều chính sách đãi ngộ, tạo sự an tâm cho cán bộ nhân viên làm việc, đóng góp cho sự phát triển chung của PVTrans.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

Tổ chức khai thác tàu phù hợp, đảm bảo vận chuyển an toàn, kịp thời nguyên liệu đầu thô đầu vào, sản phẩm dầu và khí đầu ra của NMLD Dung Quất, NMLHD Nghi Sơn và các đối tác khác.

Quản lý khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu của PVTrans trên các tuyến quốc tế.

Củng cố, nâng cao năng lực quản lý tàu, tăng cường công tác giám sát kỹ thuật, có kế hoạch sửa chữa và bảo dưỡng hợp lý nhằm hạn chế thời gian dừng tàu vì yếu tố kỹ thuật và do dịch bệnh. Tổ chức sửa chữa định kỳ các tàu trong thời gian và ngân sách phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu khai thác. Quản lý chặt chẽ chi phí sửa chữa, hoàn thiện và rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật, đặc biệt là các định mức về tiêu thụ nhiên liệu, vật tư, chi phí sửa chữa nhằm tăng cường tiết giảm chi phí.

Tiếp tục duy trì và mở rộng các hợp đồng quản lý, vận hành, khai thác và các dịch vụ khác liên quan đến FSO;

Duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chặt chẽ để hạn chế phát sinh công nợ quá hạn.

Đẩy mạnh công tác dự báo thị trường, thường xuyên cập nhật các kịch bản và đề xuất giải pháp sẵn sàng ứng phó với biến động của thị trường bằng các nguồn lực hiện có, bám sát chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện trong bối cảnh bối cảnh bất ổn chính trị và nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu.

Công tác đầu tư được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng hàng đầu và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD hàng năm cũng như chiến lược phát triển ổn định, bền vững hàng năm của PVTrans và các đơn vị thành viên. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện vốn các đơn vị thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình thị trường để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư, đảm bảo việc triển khai các công tác đầu tư tuân thủ quy định của pháp

luật, quy chế quy định của PVTrans từ việc phê duyệt dự án, triển khai đầu tư, kiểm soát tiến độ dự án đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Nỗ lực nâng cao công tác quản trị, đặc biệt quản lý chi phí thông qua việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức, mô hình quản lý. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ PVTrans. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ, kiểm soát chặt chẽ các chỉ số tài chính của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty;

Triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể phù hợp với tình hình mới, triệt để giải quyết các tồn tại, khó khăn của PVTrans và các đơn vị thành viên để, tái cấu trúc đội tàu, nâng cao năng lực vận chuyển, tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng cơ hội phát triển của PVTrans trong giai đoạn sắp tới.

Tăng cường các giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý, quản trị doanh nghiệp và nhân lực có chuyên môn cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của PVTrans.

Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội. Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong PVTrans. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

105

QUẢN TRỊ CÔNG TY



DANH SÁCH HĐQT, BAN TGD, BAN KIỂM SOÁT, KTT

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2022
2	Ông Nguyễn Duyên Hiếu	TV HĐQT, TGD	
3	Bà Nguyễn Linh Giang	TV HĐQT	
4	Ông Nguyễn Đình Thanh	TV HĐQT, P.TGD	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2022
5	Ông Hoàng Đức Chính	TV HĐQT	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2022
6	Ông Đoàn Đình Thái	TV HĐQT độc lập	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2022
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	TV HĐQT độc lập	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2022
8	Ông Phạm Anh Tuấn	TV HĐQT	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2022
9	Ông Lê Mạnh Tuấn	TV HĐQT	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2022
II	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
1	Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng giám đốc	
2	Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó TGD	
3	Ông Lê Mạnh Tuấn	Phó TGD	
4	Ông Nguyễn Viết Long	Phó TGD	
5	Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó TGD	
III	BAN KIỂM SOÁT		
1	Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng BKS	
2	Ông Kim Kwang Hyuk	TV BKS	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2022
3	Bà Nguyễn Thị Nhung	TV BKS	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2022
4	Ông Phạm Văn Hưng	TV BKS	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2022
IV	KẾ TOÁN TRƯỞNG		
1	Ông Đỗ Đức Hùng	Kế toán trưởng	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhận định năm 2022 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, HĐQT PVTrans đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện chủ sở hữu trong việc định hướng phù hợp, chỉ đạo kịp thời và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao. Với phương châm chú trọng hiệu quả và khai thác tối đa cách thức thực hiện, HĐQT tổ chức triển khai các nhiệm vụ với những nội dung chính trong năm 2022.

KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC

Với định hướng phát triển bền vững, HĐQT chú trọng việc tổ chức hoạt động SXKD có tầm nhìn chiến lược rõ ràng, đảm bảo trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng và hài hòa lợi ích các bên liên quan. Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp chuyên đề nhằm cập nhật thông tin, dự báo về xu hướng thị trường từ đó đưa ra những định hướng chiến lược phù hợp để phát huy những điểm mạnh, lợi thế của từng đơn vị hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững của PVTrans nói chung và các ĐVTV nói riêng. HĐQT đã hoàn tất cập nhật Kế hoạch 5 năm 2021-2025, định hướng đến 2035 và tầm nhìn hướng đến 2045 của PVTrans cũng như rà soát định hướng tái cấu trúc và kế hoạch 5 năm cho các ĐVTV.

XÂY DỰNG, SỬA ĐỔI BAN HÀNH QUY CHẾ/QUY ĐỊNH

Để tạo hành lang pháp lý cũng như kim chỉ nam trong việc thực hiện các chế độ chính sách, công tác tổ chức hoạt động, công tác nhân sự, phân công và phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, HĐQT đã

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ban hành một loạt các quy chế bao gồm "Quy chế quản lý vốn của PVTrans đầu tư vào DN khác", "Quy chế nội bộ về quản trị", "Quy chế hoạt động của HĐQT", "Quy chế công tác văn thư của Tổng công ty", "Quy chế kiểm toán nội bộ", "Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Ban/Văn phòng, cán bộ lãnh đạo, quản lý và CBCNV Tổng công ty"....

TỔ CHỨC - NHÂN SỰ

Việc nâng cao nhận thức về vai trò của công tác cán bộ được quán triệt triệt để đến tập thể cán bộ lãnh đạo, đặc biệt người đứng đầu các cấp. HĐQT đã tổ chức hội thảo, ban hành nghị quyết về giải pháp đột phá trong công tác cán bộ bao gồm việc khẩn trương xây dựng cơ chế để chủ động nguồn nhân lực thuyền viên đạt chất lượng cho đội tàu của toàn Tổng công ty, tăng cường công tác luân chuyển, đào tạo cán bộ; tăng định biên tuyển dụng nhân sự (bao gồm cả chức danh quản lý) tại các phòng ban/đơn vị để có dự địa cho việc đào tạo, phát triển nguồn cán bộ; ưu tiên tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ công nhân viên trẻ, có năng lực, có tố chất tốt; đổi mới công tác đánh giá cán bộ, trong đó việc đánh giá cán bộ phải đảm bảo thông qua kết quả công việc, bằng sản phẩm cụ thể hay việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ ở từng cấp từ Tổng công ty và các ĐVTV là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo/quản lý.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

HDQT đảm bảo truyền thông chính xác và đầy đủ với các bên liên quan bao gồm cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và công chúng thông qua chính sách công bố thông tin đầy đủ, hiệu quả và minh bạch. Tất cả các nội dung công bố thông tin được gửi đồng thời đến tất cả các thành viên HDQT và các Ban chuyên môn có liên quan để giám sát việc thực hiện công bố thông tin này. PVTrans duy trì kênh công bố thông tin dưới các hình thức đa dạng như website chính thức của PVTrans và các phương tiện truyền thông đại chúng.

PVTrans chủ động tham gia các hội nghị, các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư trong và ngoài nước để thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HDQT NĂM 2022

Trong năm 2022 HDQT đã tiến hành 78 cuộc họp dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp HDQT đã ban hành 115 Nghị quyết và 67 Quyết định về những vấn đề quan trọng của PVTrans như phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2022 của Tổng công ty, phê duyệt các dự án đầu tư mua tàu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, tăng vốn tại một số đơn vị thành viên, sửa đổi bổ sung các quy chế quản trị nội bộ ... để chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động SXKD.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HDQT ĐỘC LẬP

Các thành viên HDQT độc lập đã tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HDQT độc lập; tham gia đầy đủ các cuộc họp HDQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HDQT.



TỔ CHỨC - NHÂN SỰ (tiếp theo)

Trong năm 2022, HDQT tiếp tục giám sát tình hình thực hiện chương trình hoạch định kế nhiệm cũng được triển khai theo kế hoạch đảm bảo duy trì sự kế thừa, nối tiếp và phát huy sự phát triển hiệu quả, ổn định của PVTrans trong những năm tiếp theo, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông.

CÔNG TÁC KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HDQT nỗ lực hoàn thiện hệ thống KSNB và QTRR với nhiệm vụ chính là đưa ra các quy trình và thủ tục thích hợp nhằm hạn chế các rủi ro, giảm thiểu khả năng không đạt được các kế hoạch, chiến lược đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt. HDQT đã xây dựng một hệ thống KSNB bao gồm hệ thống các quy chế, quy trình và thủ tục được thiết lập nhằm đạt được các mục tiêu bao gồm bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; bảo vệ tài sản của PVTrans và các ĐVTV; bảo đảm độ tin cậy của thông tin; bảo đảm việc thực hiện các chế độ pháp lý tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành Điều lệ và các quy chế, quy định của PVTrans; và bảo đảm hiệu quả của các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HDQT:

Trong năm 2022 HDQT đã hoạt động theo Điều lệ, quy chế của Tổng công ty.

HDQT đã rất tích cực, chủ động thực hiện vai trò xây dựng chiến lược, chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ 2022 để ra.

HDQT đã rất chú trọng các hoạt động nhằm xây dựng và

củng cố nâng cao hiệu quả công tác quản trị để duy trì, phát triển năng lực cạnh tranh, khẳng định uy tín của PVTrans trên thị trường vận tải.

Công tác kiểm tra, giám sát được HDQT hết sức chú trọng nhằm kịp thời chấn chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện không để xảy ra những hệ quả tiêu cực đối với kết quả SXKD của Tổng công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định.

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua; Bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty; Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu. Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Công ty;

Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.



Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022; tình hình sử dụng và bảo toàn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác triển khai các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; phối hợp giám sát cùng các đoàn kiểm tra, thanh tra của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty. Qua đó, Ban Kiểm soát đã có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị để HĐQT, TGB Công ty xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của Công ty.

Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong Ban Kiểm soát được gửi cho Ban điều hành PVTrans thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo giám sát hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2022.

Đối với Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và BKS kiêm nhiệm: Phụ cấp thành viên HĐQT độc lập là **15.000.000 đồng/người/tháng**; Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm là **3.000.000 đồng/người/tháng**; Thành viên BKS kiêm nhiệm là **2.000.000 đồng/người/tháng**, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với thành viên HĐQT và BKS trong năm 2022 là **318.000.000 đồng**.

Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐT-BXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty; Tổng tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT chuyên trách (03 người, trong đó 01 thành viên đảm nhiệm chức vụ 06 tháng) là **3.711.173.809 đồng** và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách là **923.526.088 đồng**.

Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022 được tính vào chi phí quản lý chung của PVTrans. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS thực hiện năm 2022 là **443.584.100 đồng** (bao gồm các Công tác phí, chi phí vé máy bay, khách sạn, ... và các chi phí khác).



106

BẢO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 và định hướng chiến lược đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 của PVTrans, sức khỏe, an toàn lao động và bảo vệ môi trường (HSE) là những yếu tố quan trọng, luôn được Ban lãnh đạo PVTrans quan tâm và chú trọng thực hiện trong công tác sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực vận tải dầu khí và dịch vụ hàng hải tiềm ẩn nhiều rủi ro cùng với yêu cầu khắt khe về an toàn của các đối tác quốc tế, PVTrans luôn chủ động nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy trình và hệ thống HSE tuân thủ theo bộ luật Quản lý An toàn Quốc tế (ISM Code), tiêu chuẩn ISO- 9001:2008, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2004.

Các nguyên tắc cơ bản:

Đảm bảo không có thương tật cho con người.

Đảm bảo không thiệt hại về tài sản.

Đảm bảo không nguy hại đến môi trường, từng bước hướng tới phát triển bền vững.

Các chính sách và quy trình an toàn của PVTrans đã được các tổ chức Đăng kiểm quốc tế kiểm tra công nhận và cấp giấy chứng nhận thỏa mãn, đồng thời nhận được sự cam kết tuân thủ cao nhất từ Ban lãnh đạo, các cán bộ quản lý đến đội ngũ thuyền viên Tổng công ty.

THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Hầu hết các Đơn vị thành viên thuộc PVTrans đều đã thành lập và kiện toàn Hội đồng Bảo hộ lao động với các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

Thực hiện giám sát, tham gia, tư vấn với cấp lãnh đạo và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động và các biện pháp an toàn - vệ sinh lao động.

Cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động theo định kỳ.

Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường tại các đơn vị trong PVTrans.

Phụ trách việc đăng ký và kiểm định các trang thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo quy định tại Thông tư số 32 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ngày 14/11/2011 về Hướng dẫn thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các loại máy thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC ỨNG CỨU KHẨN CẤP - TÌM KIẾM CỨU NẠN

PVTrans đã ban hành kế hoạch Ứng cứu khẩn cấp từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên, quy định các phương án phòng, chống và ứng cứu khi có thiên tai, lụt bão; Có hệ thống các cán bộ phụ trách an toàn (kiểm nhiệm) làm việc trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; Chủ động lên kế hoạch phòng chống và triển khai các ĐVTV thực hiện, phân công trực ứng cứu, sẵn sàng hỗ trợ ứng phó, báo cáo kịp thời không để thiệt hại khi có bão.



Bên cạnh đó, PVTrans đã đưa ra một loạt các giải pháp liên quan đến công tác Ứng cứu khẩn cấp - tìm kiếm cứu nạn như sau:

PVTrans đã thành lập Ban chỉ huy "phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn" chỉ đạo công tác ứng phó phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, quy định các phương án phòng, chống và ứng phó với tình huống khẩn cấp trên bờ và tại tàu. Lập các kế hoạch và định kỳ diễn tập ứng cứu tình huống khẩn cấp.

Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra, giám sát công tác chuẩn bị ứng phó tình huống khẩn cấp, đảm bảo các trang thiết bị phục vụ cho công tác ứng phó sự cố khẩn cấp luôn được duy trì tình trạng tốt.

Luân phiên bố trí các cán bộ chuyên trách của PVTrans tham gia các khóa huấn luyện tìm kiếm cứu nạn để cập nhật kiến thức và triển khai tại PVTrans. Liên hệ với các tổ chức đào tạo có uy tín, chuyên nghiệp để cử nhân sự tham gia đào tạo và không ngừng đổi mới nội dung huấn luyện để nâng cao chất lượng công tác huấn luyện.

Luôn duy trì việc trực ban thường xuyên và đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, liên tục giữa Đội ứng cứu khẩn cấp, tàu, Lãnh đạo PVTrans, phòng ban trong các tình huống khẩn cấp, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết.

Định kỳ tổ chức diễn tập các tình huống khẩn cấp theo kế hoạch và diễn tập phối hợp giữa trên bờ, tàu và các ngành chức năng trong việc hỗ trợ ứng phó tình huống khẩn cấp. Thực tập và rèn luyện với tình huống người rơi xuống biển (03 tháng/lần); Thực tập đắm và trên biển (02 lần/năm); Thực tập sự cố tràn dầu (03 tháng/lần); hàng năm tổ chức diễn tập An ninh - An toàn giữa văn phòng và tàu. Tất cả nhân sự liên quan được trang bị những kỹ năng cần thiết để sẵn sàng hoàn thành tốt trong các đợt diễn tập cũng như xử lý các tình huống cứu hộ, cứu nạn.

Thực hiện kiểm tra định kỳ toàn bộ các trang thiết bị và triển khai các biện pháp ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và hoạt động của đội tàu, bến bãi, văn phòng... Khen thưởng đối với các thuyền viên của PVTrans ý thức được tầm quan trọng của Công tác tìm kiếm cứu nạn, nhất là các thuyền viên đã có thâm niên làm việc trên tàu và chấp hành hành đầy đủ các quy định của pháp luật về hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cũng như những quy định của PVTrans.

Lãnh đạo PVTrans và toàn thể CBCNV luôn nhận thức được vai trò, trách nhiệm và sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp. Luôn chủ động phối hợp với địa phương, các đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các đơn vị khác trong ngành để sẵn sàng ứng phó khi các tình huống khẩn cấp.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG (tiếp theo)

ĐẢM BẢO TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN TRÊN TÀU

Tất cả các trang thiết bị an toàn trên tàu của PVTrans và các ĐVTV đều thoả mãn các yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng và số lượng cũng như cách thức hoạt động. Đảm bảo cho tàu luôn trong tình trạng an toàn và được kiểm tra theo quy định của Công ước và cấp đầy đủ các giấy chứng nhận.

ĐẢM BẢO AN TOÀN ĐỐI VỚI CON NGƯỜI TRONG VẬN HÀNH TÀU

Tất cả các tàu PVTrans và ĐVTV đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn bảo vệ cá nhân, các trang thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định của SOLAS, Luật phòng cháy và chữa cháy như:

Thiết bị đo lường nồng độ Oxy;

Thiết bị đo lường khí cháy, nổ;

Các thiết bị/ dụng cụ đo lường, chỉ báo các loại khí độc hại;

Các trang thiết bị phòng chống cháy nổ (Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chỉ báo khí gas, các hệ thống dập cháy, các bộ đồ chữa cháy, các loại bình chữa cháy, các bình thoát hiểm,...).

Công tác an toàn trên tàu được thực hiện nghiêm ngặt, các thiết bị sử dụng trên tàu luôn đảm bảo có độ tin cậy cao, được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

Toàn bộ thuyền viên trên các tàu của PVTrans luôn được đảm bảo là những

người có đầy đủ sức khoẻ, trình độ và kinh nghiệm thoả mãn các yêu cầu, đồng thời phải được đào tạo thêm các kỹ năng đặc biệt khác trong công tác vận chuyển và bảo quản hàng hoá, phòng chống cháy nổ thì mới có thể đảm đương được nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho tàu, cho đồng nghiệp trong khi thực thi nhiệm vụ của mình trên tàu.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÔNG ĐOÀN PVTRANS

Thỏa ước lao động tập thể - bao gồm 100% lao động chính thức của PVTrans - do tập thể người lao động đại diện là Chủ tịch Công đoàn và người sử dụng lao động ký kết, trong đó quy định rõ các điều khoản liên quan đến an toàn.

Công đoàn phát động và chủ trì hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh, là mạng lưới tiên phong trong việc thực hiện các quy định vệ sinh an toàn ở từng phòng ban bộ phận. Đây là những người lao động trực tiếp, am hiểu nhiệm vụ chuyên môn và kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động, có trình độ nghề nghiệp, nhiệt tình, gương mẫu trong việc chấp hành an toàn - vệ sinh lao động. Mạng lưới này có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra, giám sát bộ phận/cơ quan nơi mình làm việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và vệ sinh lao động trong sản xuất kinh doanh; tham gia xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động và hướng dẫn về quy định an toàn với những lao động mới.



“Kết quả trong năm 2022, PVTrans không có xảy ra tai nạn nghiêm trọng, điều kiện làm việc, công tác an toàn, môi trường làm việc luôn chú ý quan tâm, PVTrans cũng thường xuyên chủ động đầu tư, cải thiện công cụ, dụng cụ làm việc, trang thiết bị BHLĐ. Các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, luôn được MLD chấp hành nghiêm ngặt, góp phần quan trọng đảm bảo an toàn cho người lao động và nâng cao hiệu quả trong SXKD”

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

“PVTrans luôn có ý thức trong việc bảo vệ môi trường và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Từ khi thành lập cho đến nay, PVTrans chưa để xảy ra bất kỳ sự cố hoặc các vấn đề liên quan đến môi trường. Đối với các loại chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được PVTrans xử lý đúng quy định hoặc xử lý thông qua các đơn vị dịch vụ chuyên dụng xử lý rác và chất thải nguy hại.”



Là đơn vị vận tải biển lớn nhất Việt Nam, PVTrans ý thức được rõ các rủi ro tiềm ẩn đến môi trường phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì thế, không chỉ tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu và quy định về bảo vệ môi trường của các Cơ quan quản lý, PVTrans còn tích cực trong công tác tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường từ nội bộ.

CÁC HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện việc treo băng rôn, khẩu hiệu tại Văn phòng, trụ sở làm việc và trên toàn đội tàu của Tổng Công ty về các chủ đề của ngày Môi trường thế giới và các nội dung khác liên quan kêu gọi mọi người trong việc bảo vệ và giữ gìn môi trường.

Thực hiện tuyên truyền, vận động toàn thể CBCNV và gia đình cùng nâng cao ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Khuyến khích mọi người chú ý hơn đến những tác động đến môi trường từ việc làm cụ thể của mỗi người trong cuộc sống hàng ngày từ việc lựa chọn thực phẩm hàng ngày sao cho hợp lý, tránh lãng phí thực phẩm, đến việc lựa

chọn những loại thực phẩm ít gây ảnh hưởng tác hại đến môi trường. Thực hiện tiết kiệm năng lượng từ ý thức đến hành động.

Sử dụng và tiếp tục khuyến khích phát triển công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường ít xả thải ra môi trường.

Vận động tập thể thuyền viên trên toàn đội tàu cùng tham gia chương trình với các nội dung và tiêu chí như: Giữ bếp và khu ăn uống sạch sẽ, ngăn nắp; Chế biến thức ăn hợp lý vừa đủ dùng, không để dư thừa lãng phí nhiều thực phẩm; Sắp xếp gọn gàng và duy trì vệ sinh sạch sẽ kho bảo dưỡng thực phẩm.

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN CÁC TÀU

Về sử dụng nguyên liệu, hiện các tàu PVTrans sử dụng dầu LFO, LMGO đảm bảo thoả mãn các quy định của Công ước hạn chế khí thải SOx theo quy định tại Điểm 3 Khoản 1 Điều 14 Phụ lục VI MARPOL yêu cầu hàm lượng lưu huỳnh của bất kỳ loại dầu nhiên liệu nào được sử dụng trên tàu không được vượt quá 0,5% kể từ ngày 01/01/2020. Hiệu chỉnh Điều 14 của Phụ lục

VI MARPOL có hiệu lực từ 01/3/2020.

Bên cạnh đó, các tàu PVTrans hiện nay cũng đều được trang bị hệ thống quản lý nước dằn và cặn dằn của tàu đảm bảo tuân thủ Công ước BWB 2004 về kiểm soát, quản lý nước dằn và cặn dằn của tàu chính thức có hiệu lực vào ngày 8/9/2017 và Nghị quyết MEPC.297(27) của Ủy ban Bảo vệ môi trường biển thông qua vào ngày 13/4/2018.

HOẠT ĐỘNG TRỒNG RỪNG

Hưởng ứng lời kêu gọi trồng 1 tỷ cây xanh trong 5 năm 2021-2025 “Vi một Việt Nam xanh” của Thủ tướng Chính phủ, cam kết của Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) và Chương trình trồng 3 triệu cây xanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVTrans đã tích cực xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai trồng **100.000** cây xanh trong giai đoạn 2021-2025. Kết quả trong năm 2022, PVTrans đã trồng được **22.300** cây tại tỉnh Cà Mau và Lâm Đồng.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Toàn bộ 100% người lao động PVTrans đều được ký Hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, được đảm bảo công ăn việc làm. Người sử dụng lao động và người lao động chấp hành thực hiện đúng những nội dung đã quy định, thỏa thuận trong hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Việc thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người lao động luôn được PVTrans tuân thủ đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội tại doanh nghiệp. Ngoài những chế độ được quy định trong Bộ luật lao động, đoàn viên công đoàn của PVTrans còn được hưởng thêm nhiều chế độ khác như: Tham gia bảo hiểm sức khỏe PVI, phụ cấp tiền ăn trưa, phụ cấp chi phí điện thoại, xăng xe để phục vụ công việc...

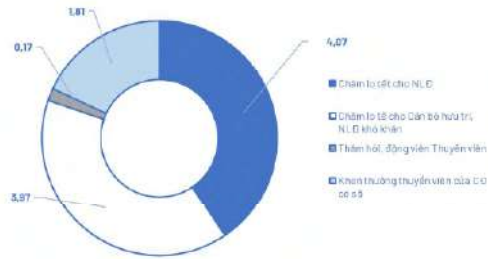
CÁC GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

PVTrans thường xuyên rà soát, điều chỉnh Quy chế trả lương thưởng phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình kinh doanh thực tế nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi.

Ban hành các chính sách đãi ngộ (lương thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú...) đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao.

PVTrans tổ chức nhiều hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV như thăm hỏi, chúc tết và tặng quà cho cán bộ, thuyền viên công tác đang làm việc trên tàu, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật và các tấm gương lao động điển hình; nhân các dịp

CHĂM LO TẾT CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG PVTRANS (TỶ VND)



lễ tết, ngày 8/3, ngày 2/9, ngày 20/10....

Tổ chức nhiều hoạt động và cuộc thi giúp gắn kết người lao động như tổ chức cho Người lao động tham gia các cuộc thi như: Tham gia Hội thi tay nghề Dầu khí lần thứ VII tại TP.Vũng Tàu; Hội thi ATVSV giỏi ngành Dầu khí lần thứ IX; Hội thao Ngành Dầu khí; Tuần Lễ Văn hóa Dầu khí; Giải chạy Marathon Cà Mau; Tổ chức chương trình vui Tết thiếu nhi 01/6, Tết Trung thu cho các cháu là con đoàn viên, NLĐ trong PVTrans .

Trong khuôn khổ chuỗi hoạt động kỷ niệm 20 năm thành lập, PVTrans đã tổ chức nhiều sự kiện gắn gũi, có ý nghĩa thiết thực như các phong trào thi đua lao động tốt; cuộc thi viết chủ đề "Tôi yêu PVTrans"; kỷ yếu "20 năm hành trình PVTrans"; hội nghị, hội thảo chuyên đề, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. Đây là dịp để ôn lại truyền thống, tri ân các thế hệ lãnh đạo, người lao động PVTrans qua các thời kỳ, gắn kết mỗi CBCNV để viết tiếp niềm tự hào của mình đối với PVTrans, tiếp thêm động lực cho chặng đường tiếp theo.

PVTrans luôn tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên nữ được hưởng đúng và đủ các chế độ về thai sản, như nghỉ 06 tháng hưởng lương đầy đủ và ngày làm việc 07 giờ trong năm đầu sau khi khi con.

HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Không chỉ chú trọng triển khai các nhiệm vụ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư, PVTrans cũng rất coi trọng các hoạt động ASXH, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng với tổng số tiền tài trợ trong năm 2022 lên tới **14,548 tỷ đồng**.

CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU

Tài trợ các dự án đầu tư xây dựng các công trình trường học tại các địa phương gặp khó khăn với tổng số tiền **8,1 tỷ đồng**.

Hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19 và tài trợ xây dựng phòng bệnh điều trị Hậu Covid-19 tại Bệnh viện Nguyễn Trí Phương với tổng số tiền **1,95 tỷ đồng**.

Tích cực tham các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ các tổ chức, quỹ, hội bao gồm: Quỹ thắp sáng niềm tin với số tiền ủng hộ **1 tỷ đồng**; Ủng hộ Quỹ học bổng Tô Hiệu tỉnh Sơn La với số tiền **500 triệu đồng**; Ủng hộ Quỹ phòng chống Tội phạm Trung Ương với số tiền **500 triệu đồng**.



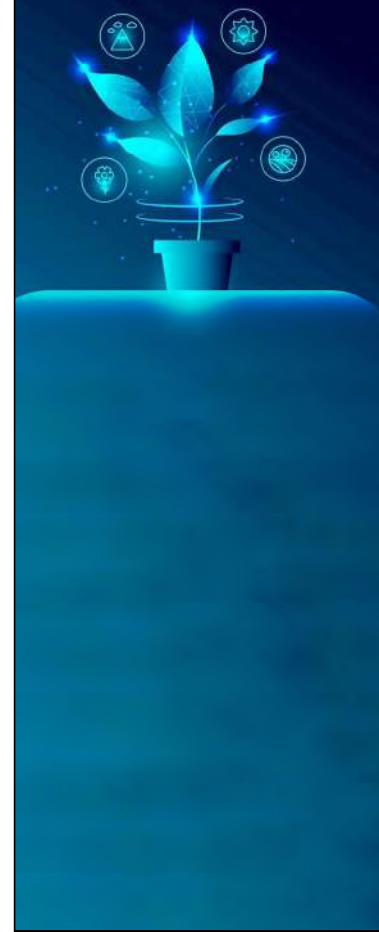


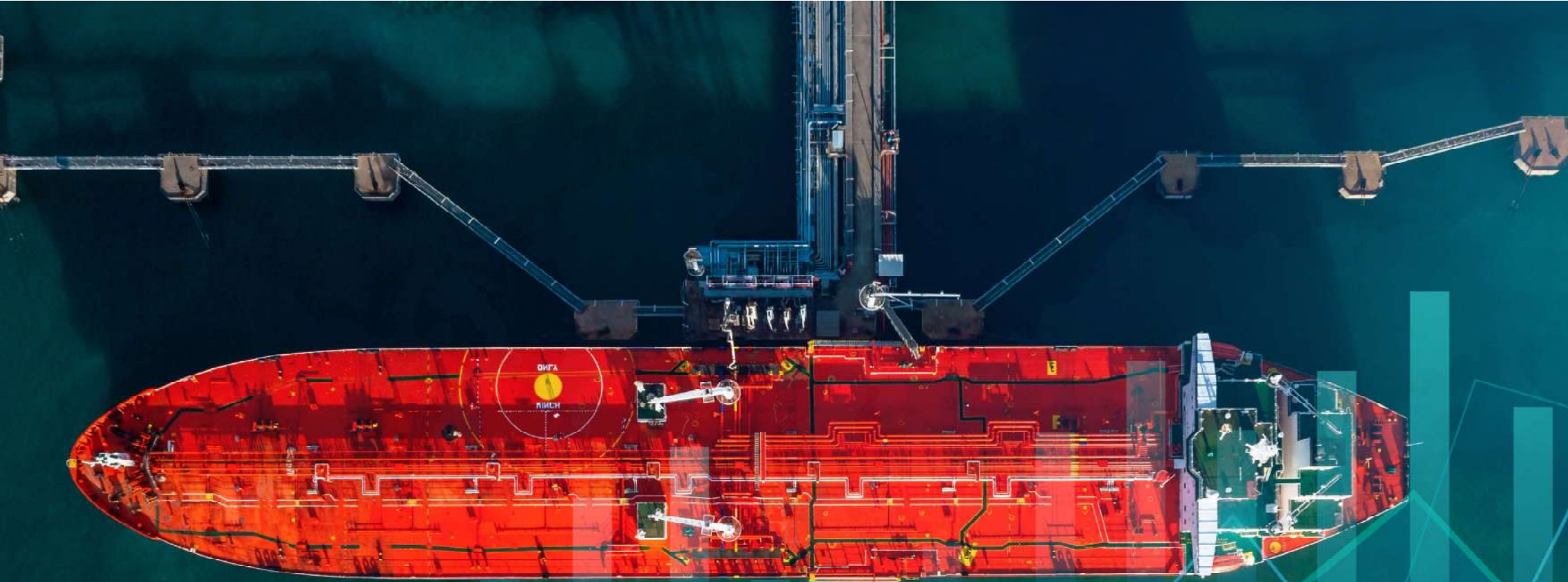
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

KHÍA CẠNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	LĨNH VỰC TRỌNG YẾU	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ NĂM 2022
Kinh tế			
Hiệu quả hoạt động kinh tế	Tăng trưởng bền vững	§ Tổng doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	9.577
		% Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	24%
		§ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	1.457
		% Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận	40%
		§ Giá trị mang lại cho Cổ đông và Nhà đầu tư	-
Tác động kinh tế gián tiếp	Tạo việc làm bền vững	§ Giá trị mang lại cho Chính phủ	675
		§ Các khoản lương, phúc lợi cho nhân viên (tỷ đồng)	1.027
		§ Giá trị giao dịch với Nhà cung cấp (tỷ đồng)	5.626
		# Việc làm tạo ra tại PVTRANS (người)	2.181

KHÍA CẠNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	LĨNH VỰC TRỌNG YẾU	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ NĂM 2022
Xã hội			
An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Đào tạo và phát triển	§ Tỷ lệ nghỉ việc	27%
		% Tỷ lệ tai nạn lao động	-
		% Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp	-
Đào tạo và phát triển	Đa dạng, bình đẳng và trao đổi mở	% Lao động tham gia hệ thống quản trị an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	100%
		# Số lượng khóa đào tạo đã tổ chức	249
Đa dạng, bình đẳng và trao đổi mở	Quan hệ lao động	# Số lượt học viên tham gia các khóa đào tạo	2.359
		% Tỷ lệ lãnh đạo nữ trong đội ngũ điều hành	24%
		% Tỷ lệ lao động nữ	8%
		% Nhân viên tham gia vào thỏa ước lao động tập thể	100%

KHÍA CẠNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	LĨNH VỰC TRỌNG YẾU	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ NĂM 2022	
Môi trường				
Nhiên vật liệu	Kiểm soát nước thải, chất thải và kinh tế tuần hoàn	# Sản phẩm giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng trong SXKD	10	
		§ Giá trị tiết kiệm từ các sáng kiến trong SXKD (tỷ đồng)	12,8	
		Đầu FC (tấn)	87.466	
Điện	Kiểm soát nước thải, chất thải và kinh tế tuần hoàn	Đầu DO (tấn)	19.790	
		Sử dụng năng lượng hiệu quả	Sản lượng điện tiêu thụ (kWh)	124.015
Nước	Kiểm soát nước thải, chất thải và kinh tế tuần hoàn	Sử dụng nguồn nước có trách nhiệm, hiệu quả và tuần hoàn	# Tổng lượng nước tiêu thụ (m ³)	16.572
			# Tổng lượng nước thải theo nguồn (m ³)	22.714
Chất thải và nước thải	Kiểm soát nước thải, chất thải và kinh tế tuần hoàn	# Tổng lượng chất thải (tấn)	138	
		% Tổng lượng chất thải được xử lý	100%	
		Chi phí xử lý nước thải (triệu đồng)	338,4	
		# Sự cố liên quan đến môi trường	-	





107

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 49



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Đoàn Đình Thái	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Kim Kwang Hynk	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Văn Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan

đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Số: /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2023, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Phương Thảo
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 4766-2019-001-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.286.266.493.364	4.849.728.123.623
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.793.749.749.410	1.283.386.854.560
1. Tiền	111		334.156.749.410	365.414.373.186
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.459.593.000.000	917.972.481.374
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.706.631.233.950	1.789.507.945.205
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.706.631.233.950	1.789.507.945.205
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.376.870.830.498	1.476.856.951.153
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	982.153.399.871	1.192.941.542.407
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.615.864.916	19.756.557.197
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	460.122.023.520	359.058.293.683
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(105.692.275.991)	(95.571.260.316)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	671.818.182
IV. Hàng tồn kho	140	9	179.274.820.292	141.926.455.000
1. Hàng tồn kho	141		179.274.820.292	141.926.455.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		229.739.859.214	158.049.917.705
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.409.067.097	26.264.476.520
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		190.928.368.398	128.090.936.701
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	402.423.719	3.694.504.484

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.965.386.461.330	7.643.491.677.948
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		135.188.151.804	109.810.733.438
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	135.188.151.804	109.810.733.438
II. Tài sản cố định	220		7.260.294.568.541	6.975.627.100.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.260.137.913.588	6.974.737.026.186
- Nguyên giá	222		12.282.576.796.228	12.303.483.478.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.022.438.882.640)	(5.328.746.452.656)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	156.654.953	890.074.555
- Nguyên giá	228		8.478.184.397	8.478.184.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.321.529.444)	(7.588.109.842)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.013.317.244	1.532.089.450
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.013.317.244	1.532.089.450
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		198.584.030.919	194.132.707.726
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	152.646.263.619	148.194.940.426
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	45.937.767.300	45.937.767.300
V. Tài sản dài hạn khác	260		349.306.392.822	362.389.046.593
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	267.445.412.565	268.265.136.424
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	15	81.860.980.257	94.123.910.169
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14.251.652.954.694	12.493.219.801.571

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.237.594.180.724	5.530.022.086.393
I. Nợ ngắn hạn	310		3.055.301.138.729	2.449.919.250.097
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	812.143.687.203	676.929.311.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.108.997.860	27.582.652.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	96.872.829.238	61.500.561.988
4. Phải trả người lao động	314		253.470.831.952	238.876.431.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	229.891.449.879	177.418.356.405
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		23.711.207.002	18.596.984.788
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	234.247.457.518	139.133.687.936
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.099.431.218.656	778.354.285.393
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	156.361.456.312	205.134.348.371
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		124.062.003.109	126.392.629.690
II. Nợ dài hạn	330		3.182.293.041.995	3.080.102.836.296
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	419.408.833.600	538.893.676.840
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	2.591.340.920.822	2.468.111.805.631
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	171.543.287.573	73.097.353.825
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.014.058.773.970	6.963.197.715.178
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	8.014.058.773.970	6.963.197.715.178
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.007.210.000	49.040.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.129.153.667.912	967.502.014.089

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (phân loại lại)
4.		Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	47.222.561.210	47.218.399.245
5.		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.489.406.154.844	894.592.418.523
		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	632.067.375.548	234.835.683.955
		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	857.338.779.296	659.756.734.568
6.		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.011.756.720.004	1.768.331.883.321
		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	14.251.652.954.694	12.493.219.801.571

Trần Thị Thục Trang
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.047.363.208.116	7.460.234.126.265
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	9.047.363.208.116	7.460.234.126.265
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	7.392.334.482.981	6.222.277.497.227
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.655.028.725.135	1.237.956.629.038
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	221.015.971.674	180.227.299.307
6. Chi phí tài chính	22	30	314.025.500.758	156.483.569.802
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		214.451.792.020	118.911.837.489
7. Phần lãi trong công ty liên kết	24	12	27.864.503.193	24.549.751.684
8. Chi phí bán hàng	25	31	12.873.930.300	10.492.585.874
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	407.652.508.769	277.486.387.570
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+24+(21-22)-(25+26))	30		1.169.357.260.175	998.271.136.783
11. Thu nhập khác	31		308.543.209.056	75.325.766.548
12. Chi phí khác	32		21.028.738.061	33.380.207.674
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	287.514.470.995	41.945.558.874
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.456.871.731.170	1.040.216.695.657
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	288.761.717.516	199.465.028.044
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	12.262.929.912	6.236.927.585
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.155.847.083.742	834.514.740.028
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			857.338.779.296	659.756.734.568

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



	Thuyết Mã số minh		Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			298.508.304.446	174.758.005.460
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.500	1.924
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	2.273	1.749

Trần Thị Thục Trang
 Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị: VND

	Mã số	Năm nay	Năm trước
CHỈ TIÊU			
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.456.871.731.170	1.040.216.695.657
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.195.322.190.412	929.745.576.847
Các khoản dự phòng	03	247.385.653.163	209.435.897.410
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(22.649.883.527)	(15.489.265.886)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(445.326.452.333)	(193.828.806.109)
Chi phí lãi vay	06	214.451.792.020	118.911.837.489
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.646.055.030.905	2.088.991.935.408
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	45.768.421.533	(506.284.627.376)
Tăng hàng tồn kho	10	(37.348.365.292)	(29.630.036.560)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	83.066.924.719	(107.798.717.405)
Tăng chi phí trả trước	12	(11.061.495.335)	(178.532.346.329)
Tiền lãi vay đã trả	14	(207.640.502.037)	(119.800.334.622)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(257.519.236.373)	(234.661.550.516)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(10.713.576.482)	100.460.722
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(78.708.439.072)	(83.775.851.987)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.171.898.762.566	828.608.931.335
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.660.712.011.334)	(1.935.502.711.608)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	389.311.827.345	100.539.732.045
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.079.231.233.950)	(2.808.065.265.705)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.164.447.945.205	2.871.659.042.367



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	Mã số	Năm nay	Năm trước
CHỈ TIÊU			
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	166.388.292.318	171.895.430.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.019.795.180.416)	(1.599.473.771.937)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	238.921.780.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.489.439.651.977	1.635.685.883.664
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.090.433.809.473)	(909.576.062.305)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.494.919.310)	(382.512.410.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	358.510.923.194	582.519.190.759
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	510.614.505.344	(188.345.649.843)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.283.386.854.560	1.472.901.602.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(251.610.494)	(1.169.098.233)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.793.749.749.410	1.283.386.854.560

Trần Thị Thục Trang
Người lập biểuĐỗ Đức Hùng
Kế toán trưởngNguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007. Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là PVT.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 921 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 908 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sau khi được phân loại lại như Thuyết minh số 40.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Các Công ty con

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	61.200.000	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40.563.200	69,63%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	43.350.000	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ: đại lý tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Tầng 13, Tòa nhà Sofic, Số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	37.932.347	67,98%	67,98%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	15.600.000	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyến đặng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt")	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	16.137.361	51,87%	52,32%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội	10.780.000	50,50%	50,50%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyến đặng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Hà Nội	5.205.900	52,06%	52,06%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas; chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Lô CN08, Đường số 6, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	1.266.667	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và ven đặng; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác



Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Số năm	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10	10
Máy móc, thiết bị	3 - 8	3 - 8
Phương tiện vận tải	5 - 20	5 - 25
Thiết bị văn phòng	2 - 7	2 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của các tàu vận tải gồm PVT Aroma từ 10 năm xuống 7 năm; Oceaous 08, Lady Linn và Lady Favia từ 9 năm xuống 7 năm, và PVT Dolphin từ 25 năm xuống 20 năm. Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định định kỳ

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Theo quy định kế toán hiện hành thì Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải khi thực tế phát sinh hay lập dự phòng trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng loại tàu. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải như sau:

- a) Đối với trường hợp ghi nhận theo thực tế phát sinh: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo;
- b) Đối với trường hợp dự phòng trích trước: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào dự toán cho đến kỳ dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại kỳ phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính đó.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6 năm.



Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền đã nhận trước từ khách hàng về cho thuê tài sản nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.470.802.886	1.557.513.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	331.685.946.524	363.856.860.136
Các khoản tương đương tiền (*)	1.459.593.000.000	917.972.481.374
	1.793.749.749.410	1.283.386.854.560

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 0,2%/năm đến 6,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,2%/năm đến 4,0%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt đã sử dụng một số khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng thương mại với số tiền là 10.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.706.631.233.950	2.706.631.233.950	1.789.507.945.205	1.789.507.945.205
	2.706.631.233.950	2.706.631.233.950	1.789.507.945.205	1.789.507.945.205

(*) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,3%/năm đến 10,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3,2%/năm đến 6,3%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con đã sử dụng một số khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngân hàng thương mại với số tiền là 25.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20), 155.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 22) và 3.500.000.000 đồng làm bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng kinh tế.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Công ty TNHH Vận tải Dầu khí OPEC	225.562.992.901	53.828.826.939
Công ty TNHH Khí đốt Thăng Long	41.252.909.720	96.482.277.636
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	36.651.008.081	50.953.761.700
Các đối tượng khác	249.030.640.981	236.989.320.515
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	429.655.848.188	754.687.355.617
	982.153.399.871	1.192.941.542.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(phân loại lại) VND
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	224.446.403.960	162.410.103.407
Phải thu tiền bồi thường (*)	77.610.499.530	77.610.499.530
Trích trước lãi tiền gửi Ngân hàng	42.509.167.078	28.284.866.708
Tạm ứng cho nhân viên	15.347.148.193	10.695.849.282
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.143.555.090	1.119.619.080
Các đối tượng khác	99.065.249.669	78.937.355.676
	460.122.023.520	359.058.293.683
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	135.188.151.804	109.711.859.191
Phải thu khác	-	98.874.247
	135.188.151.804	109.810.733.438
c. Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 38)		
Ngắn hạn	19.649.227.684	32.863.325.761

(*) Phải thu tiền bồi thường thể hiện khoản phải thu của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Công ty con của Tổng Công ty) liên quan tới Bà Huỳnh Thị Huyền Như. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi số tiền này là thấp và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm 2012.

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ				
Phải thu tiền bồi thường	77.610.499.530	-	77.610.499.530	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Anh Vũ	3.082.546.497	-	3.082.546.497	-
Đối tượng khác	25.349.654.480	350.424.516	14.878.214.289	-
	106.042.700.507	350.424.516	95.571.260.316	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đi đường	944.925.083	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	177.869.236.201	-	141.421.729.362	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	420.225.195	-	17.425.762	-
Thành phẩm	40.433.813	-	10.527.908	-
Hàng hoá	-	-	476.771.968	-
	179.274.820.292	-	141.926.455.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu PVT Aroma từ 10 năm xuống 7 năm. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thị trường, hiệu quả khai thác, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của tàu này. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm 2022 sẽ giảm 16.994.099.107 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2022 sẽ tăng với số tiền tương ứng

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu Oceanus 08, Lady Linn và Lady Favia từ 9 năm xuống 7 năm để phù hợp với kế hoạch khai thác của tàu này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình trạng kỹ thuật và tình hình thực tế sử dụng tài sản. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm 2022 sẽ giảm 26.392.106.182 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2022 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu PVT Dolphin từ 25 năm xuống 20 năm để phù hợp với kế hoạch khai thác của tàu này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thị trường, hiệu quả khai thác, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của tàu này. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm 2022 sẽ giảm 28.786.601.906 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2022 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	6.833.645.056	24.235.514.443	12.253.792.008.545	18.622.310.798	12.303.483.478.842
Mua trong năm	-	1.466.565.113	1.637.818.478.249	4.330.541.462	1.643.615.584.824
Thanh lý, nhượng bán	-	(36.666.667)	(1.664.447.995.771)	(37.605.000)	(1.664.522.267.438)
Phân loại lại	-	32.207.256.828	(32.207.256.828)	-	-
Số dư cuối năm	6.833.645.056	57.872.669.717	12.194.955.234.195	22.915.247.260	12.282.576.796.228
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Số dư đầu năm	(1.050.161.784)	(8.972.292.565)	(5.300.860.156.179)	(17.863.842.128)	(5.328.746.452.656)
Khấu hao trong năm	(300.046.224)	(2.900.065.410)	(1.189.776.285.005)	(1.612.374.171)	(1.194.588.770.810)
Thanh lý, nhượng bán	-	36.666.667	1.500.822.069.159	37.605.000	1.500.896.340.826
Phân loại lại	-	(2.130.797.118)	2.130.797.118	-	-
Số dư cuối năm	(1.350.208.008)	(13.966.488.426)	(4.987.683.574.907)	(19.438.611.299)	(5.022.438.882.640)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	5.483.437.048	43.906.181.291	7.207.271.659.288	3.476.635.961	7.260.137.913.588
Tại ngày đầu năm	5.793.483.272	15.263.221.878	6.952.931.852.366	758.468.670	6.974.737.026.186

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 9.583.129.319.887 đồng và 5.319.015.906.171 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 8.978.063.567.206 đồng và 5.939.025.140.755 đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 674.848.692.408 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.215.699.495.120 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có kế hoạch thanh lý một số tài sản cố định là phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 230.618.985.639 đồng và 22.548.167.927 đồng.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Giấy chứng nhận VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	8.301.843.847	176.340.550	8.478.184.397
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ			
Số dư đầu năm	(7.411.769.292)	(176.340.550)	(7.588.109.842)
Khấu hao trong năm	(733.419.602)	-	(733.419.602)
Số dư cuối năm	(8.145.188.894)	(176.340.550)	(8.321.529.444)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	156.654.953	-	156.654.953
Tại ngày đầu năm	890.074.555	-	890.074.555

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào công ty liên kết	98.000.000.000	98.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	54.646.263.619	50.194.940.426
	152.646.263.619	148.194.940.426

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Giá gốc khoản đầu tư và thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	98.000.000.000	98.000.000.000
	98.000.000.000	98.000.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	556.068.770.316	570.147.361.336
Tổng công nợ	(244.545.783.338)	(267.708.707.406)
Tài sản thuần	311.522.986.978	302.438.653.930
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết	152.646.263.619	148.194.940.426

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	56.866.333.048	50.101.534.049
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	27.864.503.193	24.549.751.684

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
PV KEEZ Pte., Ltd.	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã đầu tư số tiền 2.389.343 Đô la Mỹ vào Công ty PV KEEZ Pte., Ltd. (thành lập tại Singapore) tương đương 2.389.343 cổ phần ưu đãi có tức hưởng mức cổ tức cố định 8%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản đầu tư vào đơn vị khác không có dấu hiệu bị giảm giá, nên dự phòng không cần thiết phải trích lập.

Tổng Công ty chưa đánh giá và chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

PVTRANS 20 NĂM**VƯỢT SÓNG VƯƠN XA****MẪU SỐ B 09-DN/HN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn tàu	121.934.798.368	209.422.553.078
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản	103.231.067.990	20.662.871.537
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	20.343.991.280	18.587.852.497
Chi phí dài hạn khác	21.935.554.927	19.591.859.312
	267.445.412.565	268.265.136.424

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Dự phòng VND	Chi phí trích trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	13.650.502.388	18.394.416.959	68.315.918.407	100.360.837.754
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	13.009.302.212	(511.641.733)	(18.734.588.064)	(6.236.927.585)
Số dư đầu năm nay	26.659.804.600	17.882.775.226	49.581.330.343	94.123.910.169
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(2.162.495.811)	4.609.152.419	(14.709.586.520)	(12.262.929.912)
Số dư cuối năm nay	24.497.308.789	22.491.927.645	34.871.743.823	81.860.980.257

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Dầu khí Ovtrans	168.473.415.000	-
Công ty Cổ phần cung ứng nhiên liệu tàu biển Vina	71.056.060.650	29.411.733.870
Công ty TNHH Gas Venus	58.358.550.960	2.816.905.342
Công ty TNHH Vận Tải Dầu Khí Việt Mỹ	32.910.016.821	20.748.596.192
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	91.667.428.072	128.540.445.332
Phải trả cho các đối tượng khác	389.678.215.700	495.411.631.108
	812.143.687.203	676.929.311.844

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.



	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	18.995.773	-	-	18.995.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.647.628.300	-	3.647.628.300	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.925.568	-	25.925.568	-
Các loại thuế khác	1.954.842	383.427.946	1.954.842	383.427.946
	3.694.504.484	383.427.946	3.675.508.711	402.423.719

	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Số cuối năm VND
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	3.570.617.130	178.018.053.095	170.991.850.856	10.596.819.369
Thuế xuất, nhập khẩu	12.213.349	3.587.266.495	3.599.479.844	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.828.727.967	288.761.717.516	261.166.864.673	80.423.580.810
Thuế thu nhập cá nhân	5.041.780.914	39.288.925.400	38.527.325.370	5.803.380.944
Thuế nhà thầu	-	5.545.039.434	5.543.611.326	1.428.108
Thuế môn bài	-	29.000.000	29.000.000	-
Các loại thuế khác	47.222.628	5.527.143.695	5.526.746.316	47.620.007
	61.500.561.988	620.757.145.635	485.384.878.385	96.872.829.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	17.714.368.074	7.843.754.314
Lãi trả chậm	140.873.381.379	117.283.395.689
Chi phí thuê tàu	11.248.020.000	16.973.355.965
Chi phí khác	60.055.680.426	35.317.850.437
	229.891.449.879	177.418.356.405

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.914.926.209	3.228.216.789
Bảo hiểm xã hội	992.938.540	1.854.388.847
Bảo hiểm y tế	95.334.919	93.240.319
Bảo hiểm thất nghiệp	14.502.571	50.194.371
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.312.111.251	41.661.981.929
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.843.961.570	7.562.183.690
Phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	47.806.884.854	50.701.218.332
Các khoản phải trả khác	23.266.797.604	33.982.263.659
	234.247.457.518	139.133.687.936
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	605.800.000	120.090.643.240
Phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	418.803.033.600	418.803.033.600
	419.408.833.600	538.893.676.840

Phải trả khác ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị hợp đồng là 618.458.400.000 đồng (lãi trả chậm tương ứng trình bày tại Thuyết minh số 18). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để ký kết Phụ lục hợp đồng xác định lại lịch thanh toán.

Nhận ký quỹ, ký cược thể hiện số tiền ký quỹ nhận từ khách hàng để đảm bảo cho việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý kho nổi, dịch vụ vận tải, cho thuê tàu, và các hợp đồng khác. Những khoản ký quỹ, ký cược này không chịu lãi và sẽ được hoàn trả lại cho khách hàng tại ngày kết thúc hợp đồng.

19. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn (*)	257.289.517.181	48.113.985.654
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	842.141.701.475	730.240.299.739
	1.099.431.218.656	778.354.285.393



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(*) Trong đó vay ngắn hạn bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	115.572.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	54.507.461.679	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	48.154.354.321	48.113.985.654
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	39.055.701.181	-
	257.289.517.181	48.113.985.654

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay ngắn hạn với ông Nguyễn Hồng Hiệp (cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt) và các ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam. Các hợp đồng này có tổng hạn mức tín dụng là 295.572.000.000 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh số 5), chịu lãi suất hàng năm từ 5% đến 7% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: lãi suất hàng năm từ 5,5% đến 6,6%).

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Dự phòng khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	246.105.020.297	32.126.681.899	278.231.702.196
Trích lập trong năm	210.024.239.593	27.240.397.895	237.264.637.488
Hoàn nhập trong năm	(37.581.807.254)	(33.543.554.083)	(71.125.361.337)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(113.883.106.653)	-	(113.883.106.653)
Phân loại lại	-	(2.583.127.809)	(2.583.127.809)
Số dư cuối năm	304.664.345.983	23.240.397.902	327.904.743.885

Chi tiết các khoản dự phòng phải trả:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	156.361.456.312	205.134.348.371
Dự phòng phải trả dài hạn	171.543.287.573	73.097.353.825
	327.904.743.885	278.231.702.196

21. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm VND		Trong năm VND		Số cuối năm VND	
	Giá trị	Nhận nợ	Thanh toán	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Giá trị
Vay dài hạn	3.198.352.105.370	1.084.123.440.000	(893.008.535.944)	44.015.612.871	3.433.482.622.297	

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	391.698.941.190	223.559.933.579
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	101.750.013.447	130.726.768.123
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	90.908.766.600	87.643.484.245
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	83.658.420.646	81.657.888.432
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	67.912.508.336	101.868.762.504
Ngân hàng Wooribank Việt Nam	54.456.027.256	66.403.142.856
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	37.873.080.000	36.580.320.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	13.883.944.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.800.000.000
	842.141.701.475	730.240.299.739

b. Vay dài hạn

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	1.393.532.326.762	945.105.082.774
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	195.331.203.106	336.424.388.127
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	283.415.289.000	360.911.344.362
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	224.568.201.452	302.947.616.374
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	101.725.683.828	169.638.192.164
Ngân hàng Wooribank Việt Nam	231.192.106.674	226.820.571.430
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	85.214.430.000	118.886.040.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	76.361.680.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	7.378.570.400
	2.591.340.920.822	2.468.111.805.631

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Các hợp đồng này có tổng hạn mức tín dụng là 2.185 tỷ đồng và 182,9 triệu Đô la Mỹ. Các khoản vay được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh số 5), phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty (Thuyết minh số 10) và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt. Các khoản vay này chịu lãi suất hàng năm theo LIBOR 3 tháng hoặc 6 tháng cộng từ 2,5%/năm đến 5,0%/năm cho khoản vay bằng tiền Đô la Mỹ, lãi suất hàng năm từ 2,5% đến 7,03% cho khoản vay bằng tiền Đồng Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	842.141.701.475	730.240.299.739
Trong năm thứ hai	728.094.186.748	765.973.962.251
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.533.091.466.412	1.231.969.206.730
Sau năm năm	330.155.267.662	470.168.636.651
	3.433.482.622.297	3.198.352.105.370
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(842.141.701.475)	(730.240.299.739)
Số phải trả sau 12 tháng	2.591.340.920.822	2.468.111.805.631



22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	323.651.246	3.326.512.460.000	323.651.246	3.326.512.460.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	323.651.246	3.326.512.460.000	323.651.246	3.326.512.460.000
Cổ phần		Số cuối năm		Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng				
+ Cổ phần phổ thông		323.651.246		323.651.246
Số lượng cổ phần đang lưu hành				
+ Cổ phần phổ thông		323.651.246		323.651.246

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Chi tiết cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.650.664.920.000	51	1.650.664.920.000	51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Ưu đãi đầu tư phát triển VND	Ưu đãi khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	3.236.512.460.000	-	726.264.850.938	47.218.399.245	897.900.556.915	1.414.503.866.198	6.322.400.133.296
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	238.921.780.000	238.921.780.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	659.756.734.568	174.758.005.460	834.514.740.028
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(323.651.246.000)	(50.487.408.000)	(374.148.654.000)
Phân phối quỹ	-	-	241.237.163.151	-	(241.433.193.162)	(192.525.278)	(388.555.287)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(35.006.120.444)	(6.845.223.556)	(41.851.344.000)
Thủ lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(8.200.414.982)	(2.206.596.896)	(10.407.011.878)
Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	49.040.540.000	-	-	(49.040.540.000)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(5.733.358.372)	(110.014.609)	(5.843.372.981)
Số dư đầu năm nay (phần lại lại)	3.236.512.460.000	49.040.540.000	967.502.014.089	47.218.399.245	894.592.418.523	1.768.331.883.321	6.963.197.715.178
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	857.338.779.296	298.508.304.446	1.155.847.083.742
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(161.112.032.862)	(42.838.277.170)	(42.838.277.170)
Phân phối quỹ	-	-	161.112.032.862	-	(161.112.032.862)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(37.158.203.343)	(7.761.931.040)	(44.920.134.383)
Thủ lao Ban Tổng Giám Đốc, Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(7.015.707.213)	(1.141.732.797)	(8.157.440.010)
Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	50.966.670.000	-	-	(50.966.670.000)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	539.620.961	4.161.965	(6.272.429.557)	(3.341.526.756)	(9.070.173.387)
Số dư cuối năm nay	3.236.512.460.000	100.007.210.000	1.129.153.667.912	47.222.561.210	1.489.406.154.844	2.011.756.720.004	8.014.058.773.970

Số trích lập các quỹ và cổ tức công bố trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-DHĐCĐ2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty mẹ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con. Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-DHĐCĐ2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022 thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ (tương đương 323.651.240.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, việc chia cổ tức này chưa được thực hiện.

23. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	5.880.653,22	5.082.321,74
- Euro ("EUR")	626.769,96	1.924.170,53
- Đô la Singapore ("SGD")	126,40	876,40

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ kho nổi: cung cấp kho nổi, quản lý và cung cấp các dịch vụ liên quan đến kho nổi cho mỏ dầu;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác: cung cấp dịch vụ quản lý tàu biển, cung ứng quản lý nguồn lao động và các dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Số cuối năm	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	10.721.157.334.134	1.199.536.224.801	299.701.202.821	615.413.876.369	12.835.810.638.125
Lãi từ công ty liên kết					54.846.263.619
Tài sản không phân bổ					1.361.196.052.950
Tổng tài sản hợp nhất					14.251.652.954.694
Nợ phải trả bộ phận	5.408.540.972.046	313.125.264.306	257.281.890.126	50.161.192.465	6.029.109.318.943
Nợ phải trả không phân bổ					208.484.861.781
Tổng nợ phải trả hợp nhất					6.237.594.180.724
Số đầu năm	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	8.627.591.132.532	1.475.091.313.672	112.645.659.517	1.407.562.454.869	11.622.890.560.390
Lãi từ công ty liên kết					50.194.940.426
Tài sản không phân bổ					820.134.300.755
Tổng tài sản hợp nhất					12.493.218.801.571
Nợ phải trả bộ phận	4.464.057.176.985	199.307.637.858	126.796.787.057	468.995.686.442	5.259.157.288.342
Nợ phải trả không phân bổ					270.864.798.051
Tổng nợ phải trả hợp nhất					5.530.022.086.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm nay

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.801.441.169.869	795.548.143.222	1.168.002.406.369	282.371.488.656	9.047.363.208.116
Tổng doanh thu	6.801.441.169.869	795.548.143.222	1.168.002.406.369	282.371.488.656	9.047.363.208.116
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	5.430.606.886.037	568.824.037.431	1.158.114.029.147	234.789.530.366	7.392.334.482.981
Tổng giá vốn	5.430.606.886.037	568.824.037.431	1.158.114.029.147	234.789.530.366	7.392.334.482.981
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.370.834.283.832	226.724.105.791	9.888.377.222	47.581.958.290	1.655.028.725.135
Chi phí không phân bổ					(420.526.439.069)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					1.234.502.286.066
Doanh thu hoạt động tài chính					221.015.971.674
Phân lãi trong công ty liên kết					27.864.503.193
Lợi nhuận khác					287.514.470.995
Chi phí tài chính					(314.025.500.758)
Lợi nhuận trước thuế					1.456.871.731.170
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(288.761.717.516)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(12.262.929.912)
Lợi nhuận trong năm					1.155.847.083.742
Thông tin khác					
Khấu hao					1.195.322.190.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm trước

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.350.401.235.913	827.336.723.943	960.561.848.045	321.934.318.364	7.460.234.126.265
Tổng doanh thu	5.350.401.235.913	827.336.723.943	960.561.848.045	321.934.318.364	7.460.234.126.265
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	4.426.451.444.855	594.321.749.454	946.807.731.725	254.696.571.193	6.222.277.497.227
Tổng giá vốn	4.426.451.444.855	594.321.749.454	946.807.731.725	254.696.571.193	6.222.277.497.227
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	923.949.791.058	233.014.974.489	13.754.116.320	67.237.747.171	1.237.956.629.038
Chi phí không phân bổ					(287.978.973.444)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					949.977.655.594
Doanh thu hoạt động tài chính					180.227.299.307
Phân lãi trong công ty liên kết					24.549.751.684
Lợi nhuận khác					41.945.558.874
Chi phí tài chính					(156.483.568.802)
Lợi nhuận trước thuế					1.040.216.695.657
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(199.465.028.044)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(6.236.927.585)
Lợi nhuận trong năm					834.514.740.028
Thông tin khác					
Khấu hao					929.745.576.847



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và dịch vụ thương mại. Doanh thu từ dịch vụ thương mại toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam, trong khi doanh thu vận tải được thực hiện ở cả Việt Nam (chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, kho cảng Thị Vải đến các địa phương) và quốc tế (vận chuyển tại khu vực Đông Nam Á, Nam Trung Quốc và khu vực Nam Mỹ).

Chi tiết doanh thu vận tải theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu vận tải		
Vận tải nội địa	3.045.817.245.648	3.022.819.743.141
Vận tải quốc tế	3.755.623.924.221	2.327.581.492.772
	6.801.441.169.869	5.350.401.235.913
Gia vốn vận tải		
Vận tải nội địa	2.382.017.081.529	2.486.028.635.623
Vận tải quốc tế	3.048.589.804.508	1.940.422.809.232
	5.430.606.886.037	4.426.451.444.855

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Tổng Công ty không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	6.801.441.169.869	5.350.401.235.913
Dịch vụ kho nổi	795.548.143.222	827.336.723.943
Thương mại	1.168.002.406.369	960.561.848.045
Dịch vụ khác	282.371.488.656	321.934.318.364
	9.047.363.208.116	7.460.234.126.265

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	5.430.606.886.037	4.426.451.444.855
Dịch vụ kho nổi	568.824.037.431	594.321.749.454
Thương mại	1.158.114.029.147	946.807.731.725
Dịch vụ khác	234.789.530.366	254.696.571.193
	7.392.334.482.981	6.222.277.497.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.614.449.661.484	1.374.234.251.995
Chi phí nhân công	1.027.214.894.008	778.514.188.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.195.322.190.412	929.745.576.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.410.236.966.943	2.084.638.167.110
Chi phí khác bằng tiền	407.523.180.056	396.316.554.442
	6.654.746.892.903	5.563.448.738.946

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy thác đầu tư	159.198.555.458	129.429.300.547
Lãi chênh lệch tỷ giá	57.318.754.756	46.364.214.800
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.498.661.460	4.433.783.960
	221.015.971.674	180.227.299.307

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	214.451.792.020	118.911.837.489
Lãi trả chậm	23.589.985.690	23.763.023.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá	73.334.001.919	13.319.231.397
Chi phí tài chính khác	2.849.721.129	489.477.728
	314.025.500.758	156.483.569.802

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương	186.856.997.862	155.481.717.982
Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	7.692.007.336	(78.331.422)
Chi phí khác	213.103.503.571	122.083.001.010
	407.652.508.769	277.486.387.570
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.517.954.844	6.165.906.423
Chi phí khác	4.355.975.456	4.326.679.451
	12.873.930.300	10.492.585.874



31. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	253.764.732.222	35.415.969.918
Thu từ bồi thường và phí lưu tàu	28.732.770.835	31.423.699.730
Thu nhập khác	26.045.705.999	8.486.096.900
Thu nhập khác	308.543.209.056	75.325.766.548
Chi phí phạt	5.372.643.777	13.646.397
Chi phí khác	15.656.094.284	33.366.561.277
Chi phí khác	21.028.738.061	33.380.207.674
Lợi nhuận khác	287.514.470.995	41.945.558.874

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.456.871.731.170	1.040.216.895.657
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(27.864.503.193)	(24.549.751.684)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.502.031.143	7.516.307.867
Điều chỉnh khác:		
Trừ: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(120.475.561.204)	(217.787.733.620)
Cộng: Chênh lệch tạm thời không được khấu trừ	137.473.344.706	182.192.416.705
Thu nhập chịu thuế	1.450.507.042.622	987.587.934.925
Lỗ phát sinh tại công ty con	-	19.084.045.856
Thu nhập tính thuế	1.450.507.042.622	1.006.671.980.781
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	290.101.408.525	201.334.396.156
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo ND 92/2021/NĐCP	-	(603.444.217)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	(1.339.691.009)	(1.265.923.895)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	288.761.717.516	199.465.028.044

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trong năm (VND)	1.155.847.083.742	834.514.740.028
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát (VND)	298.508.304.446	174.758.005.460
- Cổ đông của Công ty mẹ (VND)	857.338.779.296	659.756.734.568
Trừ: trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(48.286.234.950)	(37.158.203.343)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	809.052.544.346	622.598.531.225
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	323.651.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.500	1.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quý khen thưởng, phúc lợi trích bằng 5,6% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với tỷ lệ trích trung bình trong năm 2021 của Công ty mẹ và các công ty con. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Tổng Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022.

Ngoài ra lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày VND	Thay đổi VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận trong năm (VND)	834.514.740.028	-	834.514.740.028
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(34.160.654.832)	(2.997.548.511)	(37.158.203.343)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	625.596.079.736	(2.997.548.511)	622.598.531.225
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	-	323.651.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.933	(9)	1.924

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty có kế hoạch chi trả 10% cổ tức chia bằng cổ phiếu trong quý 1 năm 2023. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	809.052.544.346	622.598.531.225

Số cổ phiếu:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	323.651.246
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	32.365.124	32.365.124
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	356.016.370	356.016.370

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	809.052.544.346	622.598.531.225
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	356.016.370	356.016.370
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.273	1.749

34. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG



Tổng Công ty là bên đi thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	173.198.113.819	123.945.321.529

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết với bên cho thuê không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	217.606.646.846	63.307.134.241
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	723.181.896.233	155.219.942.018
Sau năm năm	538.242.286.000	146.225.016.000
	1.479.030.829.079	364.752.092.259

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê xe, thuê văn phòng, thuê tàu và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê xe được ký với thời hạn từ 1 năm tới 6 năm. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ 1 năm đến 6 năm. Khoản thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 7 năm. Các khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn không quá 5 năm.

Tổng Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	1.646.518.806.544	980.585.553.127

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	436.251.841.354	512.631.950.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	296.625.000	200.596.722.000
	436.548.466.354	713.228.672.000

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải thu cho thuê tàu với thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm.

35. CAM KẾT VỐN

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCB2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty mẹ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con, các cổ đông đã phê duyệt kế hoạch đầu tư tài sản cố định trong năm 2022 với số tiền là 9.537 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty mẹ và các công ty con đã thực hiện khoản đầu tư tài sản cố định với giá trị hơn 1.643 tỷ đồng.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	3.690.772.139.478	3.246.466.091.024
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.793.749.749.410	1.283.386.854.560
Nợ thuần	1.897.022.390.068	1.963.079.236.464
Vốn chủ sở hữu	8.014.058.773.970	6.963.197.715.178
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,24	0,28

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.793.749.749.410	1.283.386.854.560
Đầu tư tài chính	2.752.569.001.250	1.835.445.712.505
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.457.095.969.193	1.555.543.459.930
Tổng cộng	6.003.414.719.853	4.674.376.026.995
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.690.772.139.478	3.246.466.091.024
Phải trả người bán và phải trả khác	1.462.782.276.082	1.349.730.636.294
Chi phí phải trả	229.891.449.879	177.418.356.405
Tổng cộng	5.383.445.865.439	4.773.615.083.723

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu sự rủi ro về thay đổi hoạt động của các Nhà máy lọc dầu (Dịch vụ vận tải) và hoạt động của các mỏ (Dịch vụ hàng hải dầu khí), để kiểm soát rủi ro này Tổng Công ty đã luôn đảm bảo đội tàu vận tải dầu thô đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của các Nhà máy lọc dầu, đối với các phương tiện kho nổi đều có thể chuyển đổi công năng để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các mỏ. Đây là lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm vừa qua.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	297.476.115.784	222.674.655.347	1.285.924.903.335	1.556.512.698.108
Euro (EUR)	15.492.319.770	49.665.867.681	1.431.303.537	3.388.394.252
Yên Nhật (JPY)	118.284.146	-	12.178.483.286	3.294.302.132
Đô la Singapore (SGD)	-	1.307.572	1.589.113.369	5.189.492.526

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 4% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 4% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 4% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 4% (năm 2021: 2%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 39.537.951.502 đồng (năm 2021: giảm/tăng 26.676.760.855 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, Đô la Singapore và Yên Nhật thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Trong năm, Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã ký hợp đồng giao dịch phái sinh hoán đổi lãi suất số 01/HĐK.PSL/TPBANK-GAS SHIPPING JSC ngày 05 tháng 4 năm 2022 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong để hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền là Việt Nam Đồng và Đô la Mỹ, tương ứng với khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Theo đó, định kỳ hàng quý Công ty sẽ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo lãi suất tính trên dư nợ vay danh nghĩa bằng Đô la Mỹ (bảng LIBOR 03 tháng cộng 5,2%/năm), và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong sẽ thanh toán tiền lãi cho Công ty theo lãi suất tính trên dư nợ vay danh nghĩa bằng Việt Nam Đồng (bảng LIBOR 03 tháng cộng 4,2%/năm).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các khách hàng và đối tác của Tổng Công ty đều là các bên có uy tín trên thị trường. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu quá hạn thanh toán, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng cho những khoản này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.793.749.749.410	-	-	1.793.749.749.410
Đầu tư tài chính	2.706.631.233.950	-	45.937.767.300	2.752.569.001.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.321.907.817.389	135.188.151.804	-	1.457.095.969.193
	5.822.288.800.749	135.188.151.804	45.937.767.300	6.003.414.719.853
Các khoản vay	1.099.431.218.656	2.261.185.653.180	330.155.267.662	3.690.772.139.478
Phải trả người bán và phải trả khác	1.043.373.442.482	63.673.140.800	355.735.692.800	1.462.782.276.082
Chi phí phải trả	229.891.449.879	-	-	229.891.449.879
	2.372.696.111.017	2.324.858.793.980	685.890.960.462	5.383.445.865.439
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.449.592.689.732	(2.189.670.642.156)	(639.953.193.162)	618.968.854.414
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.283.386.854.560	-	-	1.283.386.854.560
Đầu tư tài chính	1.789.507.945.205	-	45.937.767.300	1.835.445.712.505
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.445.732.726.492	109.810.733.438	-	1.555.543.459.930
	4.518.627.526.257	109.810.733.438	45.937.767.300	4.674.376.026.995
Các khoản vay	778.354.285.393	1.997.943.188.980	470.168.636.651	3.246.466.091.024
Phải trả người bán và phải trả khác	810.836.959.454	183.157.984.040	355.735.692.800	1.349.730.636.294
Chi phí phải trả	177.418.356.405	-	-	177.418.356.405
	1.766.809.801.252	2.181.101.153.020	825.904.329.451	4.773.615.083.723
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.752.017.925.005	(2.071.290.419.582)	(779.966.562.151)	(99.239.056.728)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức vừa phải và tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (“PVN”)	Công ty mẹ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (“PVEP”)	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	Công ty liên doanh của PVN
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	Công ty liên doanh của PVN
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Chi nhánh của PVN
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)(Công ty con của PVN)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Thành viên của PVN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty cùng tập đoàn	1.753.686.230.187	1.577.618.127.839
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	640.295.668.397	794.851.515.892
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	615.160.466.154	435.223.979.183
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	455.912.576.417	443.401.100.737
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và công ty con	187.627.570.389	116.657.108.741
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	8.713.420.025	9.146.018.993
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	4.987.347.439	4.069.734.500
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	4.908.866.272	9.535.119.516
Thu nhập tài chính		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	44.771.420.072	31.165.970.485



	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác (phí lưu tàu)		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty cùng tập đoàn	4.285.607.441	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	16.379.761.802	8.634.812.642
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	427.501.482.715	187.877.521.393
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	204.544.384.993	237.901.613.022
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và công ty con	187.545.588.968	116.717.989.350
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	95.507.312.246	97.017.346.249
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	84.469.277.267	73.843.337.106
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	83.325.127.788	70.764.493.866
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovpetro	51.077.301.697	40.002.295.950
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	26.566.791.084	30.663.292.281
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	19.755.414.309	28.089.215.737
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	10.492.790.909	7.225.500.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	6.000.225.065	5.819.494.332
Công Ty Điều Hành Dầu Khí Biển Đông	2.987.468.305	-
Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	2.146.080.100	5.292.122.728
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	34.258.053.219
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	-	30.338.000.000
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	-	12.550.909.090
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	47.494.647.880	62.182.855.281
Cổ tức đã công bố và chi trả		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	165.062.135.460

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị:		
Ông Phạm Việt Anh	-	16.500.000
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	36.000.000	19.500.000
Ông Mai Thế Toàn	-	16.500.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	18.000.000	-
Ông Hoàng Đức Chính	18.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	90.000.000	-
Ông Đoàn Đình Thái	90.000.000	-

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lê Mạnh Tuấn	18.000.000	36.000.000
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	3.023.221.171	2.357.890.546
Tiền lương và các khoản thu nhập khác của Tổng giám đốc và Người quản lý (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng)		
	5.467.659.649	4.883.223.224
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát		
	844.323.523	399.206.560
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:		
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	269.976.947.727	436.068.191.641
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	42.641.357.078	173.248.536.645
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	58.485.040.018	80.848.972.521
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	55.777.086.335	47.888.987.874
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	179.766.000	8.349.763.110
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	1.602.047.476	-
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	128.530.414	128.530.414
Các bên liên quan khác	865.073.140	8.154.373.412
	429.655.848.188	754.687.355.617
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	2.557.192.175	10.821.600
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	4.748.131.213	15.269.683.863
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.644.465.154	7.644.465.154
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	5.366.000	3.095.115.755
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	7.236.375.066	6.273.994.518
Các bên liên quan khác	14.890.251	580.066.471
	19.649.227.684	32.863.325.761

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	4.056.166.474	43.681.426.439
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	34.034.609.507	18.854.206.430
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	8.655.441.054	17.843.125.789
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovpetro	11.193.727.149	12.635.571.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.833.036.612	10.833.036.612
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	5.616.864.000	7.627.840.000
Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	924.930.933	6.511.193.197
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	2.720.697.538	3.621.868.061
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	3.639.210.000	3.429.150.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	3.487.904.182	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	2.188.192.999	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	1.824.564.874	217.500.000
Các bên liên quan khác	2.492.082.750	3.285.527.804
	91.667.428.072	128.540.445.332
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	46.830.643.332	46.830.643.332
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	976.241.522	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	-	2.855.825.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	1.014.750.000
	47.806.884.854	50.701.218.332
Phải trả dài hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	418.803.033.600	418.803.033.600
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	308.226.622.098	384.605.504.806
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	169.638.192.164	271.506.954.668
	477.864.814.262	656.112.459.474
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	144.169.540.844	125.131.621.063
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	3.411.208.229	2.826.917.027
	147.580.749.073	127.958.538.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ HỢP NHẤT
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 17.714.368.074 đồng (năm 2021: 7.843.754.314 đồng), là khoản lãi vay phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 42.509.167.078 đồng (năm 2021: 28.284.866.708 đồng), là số lãi tiền gửi và cổ tức phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 9.843.961.570 đồng (2021: 7.562.183.690 đồng), là khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền nhưng chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang trong năm không bao gồm 11.790.157.436 đồng (2021: 14.820.434.704 đồng), là số tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay trình bày trên cơ sở thuần số tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay của các khoản vay ngắn hạn dưới 3 tháng. Vì vậy, chỉ tiêu "Tiền thu từ đi vay" và "Tiền trả nợ gốc vay" cũng được điều chỉnh giảm tương ứng một khoản tiền 304.089.614.806 đồng (2021: không phát sinh).

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được phân loại do Tổng Công ty phân loại lại khoản mục vốn khác của chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước liên quan đến các khoản cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu của các công ty con thuộc Tổng Công ty với Công ty mẹ.

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	49.040.540.000	49.040.540.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	943.632.958.523	(49.040.540.000)	894.592.418.523
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	283.876.223.955	(49.040.540.000)	234.835.683.955

Trần Thị Thục Trang
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.3911.1301

Fax: 028.3911.1300

Website: www.pvtrans.com